

THÔNG BÁO

Kết quả thi vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2022

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ về ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Theo Kế hoạch số 71/KH-SYT ngày 09/8/2022 của Sở Y tế về tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2022 và Kế hoạch số 90/KII-SYT ngày 31/10/2022 của Sở Y tế sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Kế hoạch số 71/KH-SYT ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Sở Y tế về tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2022; Quyết định số 1555/QĐ-SYT ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Sở Y tế về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2022;

Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2022 thông báo kết quả thi vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2022 như sau:

1. Về kết quả thi vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2022 của môn thi nghiệp vụ chuyên ngành và môn đánh giá kỹ năng tin học, ngoại ngữ thông qua bài thi trắc nghiệm trên giấy.

(Có danh sách kết quả thi kèm theo)

2. Về phúc khảo kết quả thi vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2022 được thực hiện như sau:

- Thời gian nhận đơn phúc khảo là 15 ngày kể từ ngày 10/3/2023 đến ngày 24/3/2023 *(trong giờ hành chính)*.

(Có mẫu Đơn đề nghị phúc khảo kèm theo)

- Địa điểm nhận đơn phúc khảo: Phòng Tổ chức cán bộ - Sở Y tế - số 756 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Phí phúc khảo: 150.000 đồng/bài thi.

- Không chấm phúc khảo đối với các đơn phúc khảo bài thi nhận được sau thời hạn quy định (tính theo dấu bưu điện nếu đơn gửi theo đường bưu chính);

không phúc khảo đối với các đơn đề nghị phúc khảo được gửi bằng thư điện tử, fax, telex.

Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2022 thông báo./.

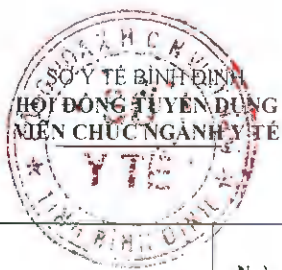
Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở;
- Ban Giám sát (Sở Y tế);
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Trang Thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, TCCB, HĐTD.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH**



**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Lê Quang Hùng**



DANH SÁCH KẾT QUẢ THI VÒNG 2 KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2022

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
1	001	Lê Nguyễn An	26/01/1987		Phước Mỹ - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính.	8/30	26,7	Không đạt	29/30	96,7	Đạt	100,0		100,0	
2	002	Lê Thị Vân Anh		27/9/1987	P. Nhơn Phú - TP. Quy Nhơn - Bình Định	Quản nhân chuyên nghiệp phục viên	Bệnh viện Tâm thần	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính.	26/30	86,7	Đạt	29/30	96,7	Đạt	99,0	5,0	104,0	
3	003	Lê Thị Thanh Bình		01/10/1994	Mỹ Hiệp - Phù Mỹ - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính.	28/30	93,3	Đạt	27/30	90,0	Đạt	100,0		100,0	
4	004	Nguyễn Thị Hồng Cẩm		01/8/1990	P. Nhơn Phú - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính.	27/30	90,0	Đạt	26/30	86,7	Đạt	100,0		100,0	
5	005	Nguyễn Thị Huyền Cẩm		28/4/1988	P. Lê Lợi - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính.	27/30	90,0	Đạt	28/30	93,3	Đạt	63,0		63,0	
6	006	Phạm Thị Mỹ Châu		13/8/1986	TT. Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thạnh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính.	28/30	93,3	Đạt	26/30	86,7	Đạt	96,0		96,0	
7	007	Nguyễn Văn Chin	10/6/1977		P. Nhơn Phú - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính.									Không nhận thẻ dự thi	
8	008	Đoàn Thị Đào		14/10/1989	Ấn Tượng Tây - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính.	23/30	76,7	Đạt	25/30	83,3	Đạt	21,0		21,0	
9	009	Trần Thị Bích Diễm		19/4/1997	Vĩnh Hòa - Vĩnh Thạnh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính.	26/30	86,7	Đạt	27/30	90,0	Đạt	88,0		88,0	
10	010	Lê Thị Mỹ Dung		26/3/1991	Mỹ Hòa - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính.									Không nhận thẻ dự thi	

[Handwritten signature]

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghệ vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
11	011	Tạ Nguyên Duy	22/11/1988		318 Phan Bội Châu - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính.									Không nhận thẻ dự thi	
12	012	Bùi Thị Thanh Hằng		16/12/1988	TT. Tuy Phước - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	29/30	96,7	Đạt	27/30	90,0	Đạt	99,0		99,0	
13	013	Nguyễn Thị Hiền		04/6/1998	P. Nhơn Bình - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính									Không nhận thẻ dự thi	
14	014	Huỳnh Thị Hiếu		20/10/1992	TT. Vĩnh Thanh - Vĩnh Thanh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thanh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	26/30	86,7	Đạt	27/30	90,0	Đạt	79,5		79,5	
15	015	Lê Kim Hoài		15/6/1993	TT. Vĩnh Thanh - Vĩnh Thanh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	29/30	96,7	Đạt	28/30	93,3	Đạt	98,0		98,0	
16	016	Nguyễn Thị Thu Hồng		02/8/1995	P. Quang Trung - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	25/30	83,3	Đạt	29/30	96,7	Đạt	33,5		33,5	
17	017	Nguyễn Thị Ngọc Hữu		08/9/1988	TT. Ngô Mây - Phù Cát - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính									Không nhận thẻ dự thi	
18	018	Phạm Ngọc Lâm	22/4/1982		P. Trần Quang Diệu - TP. Quy Nhơn - Bình Định	- Con thương bệnh - Bộ đội xuất ngũ	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính									Không nhận thẻ dự thi	
19	019	Trần Thị Bích Liễu		14/01/1992	TT Vĩnh Thanh - Vĩnh Thanh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thanh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	29/30	96,7	Đạt	27/30	90,0	Đạt	77,0		77,0	
20	020	Tạ Thị Kim Loan		16/01/1985	TT. Vĩnh Thanh - Vĩnh Thanh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thanh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính									Bỏ thi	
21	021	Nguyễn Thị Fa Mi		20/12/1990	Vĩnh Thịnh - Vĩnh Thanh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thanh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	28/30	93,3	Đạt	28/30	93,3	Đạt	95,5		95,5	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghề nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
22	022	Huỳnh Ngọc My		29/6/1994	P. Lê Hồng Phong - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính.	14/30	46,7	Không đạt	28/30	93,3	Đạt	43,0		43,0	
23	023	Nguyễn Thị Như Ngân		22/7/1982	TT. Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thạnh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	16/30	53,3	Đạt	26/30	86,7	Đạt	86,0		86,0	
24	024	Võ Nguyễn Hồng Nguyên		16/10/1991	P. Nguyễn Văn Cừ - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính.										Không nhận thẻ dự thi
25	025	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt		10/01/1986	Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính										Không nhận thẻ dự thi
26	026	Nguyễn Thị Tuyết Nữ		19/7/1994	P. Đập Đá - TX. An Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	27/30	90,0	Đạt	26/30	86,7	Đạt	83,0		83,0	
27	027	Lê Thị Xuân Phương		16/11/1993	P. Hoài Hảo - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	27/30	90,0	Đạt	22/30	73,3	Đạt	94,0		94,0	
28	028	Mai Thị Lan Phương		09/4/1987	An Hòa - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính										Không nhận thẻ dự thi
29	029	Võ Trương Anh Quân	10/8/1993		An Hòa - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	29/30	96,7	Đạt	29/30	96,7	Đạt	94,0		94,0	
30	030	Nguyễn Thị Ngọc Quyên		21/7/1996	P. Trần Hưng Đạo - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính.										Không nhận thẻ dự thi
31	031	Bạch Thanh Sang	10/5/1984		P. Hoài Hương - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	29/30	96,7	Đạt	26/30	86,7	Đạt	98,0		98,0	
32	032	Nguyễn Thị Thảo Sương		02/02/1984	Ấn Thạnh - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	23/30	76,7	Đạt	28/30	93,3	Đạt	98,0		98,0	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghề vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
							Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
			Nam	Nữ														
33	033	Đỗ Thị Hồng Thắm		05/10/1991	Vĩnh Thịnh - Vĩnh Thạnh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính							30,0		30,0	Bỏ thi 2 môn Đánh giá kỹ năng
34	034	Nguyễn Thị Thắm		21/3/1995	Cát Trinh - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	29/30	96,7	Đạt	28/30	93,3	Đạt	89,0		89,0	
35	035	Lê Xuân Thành	16/4/1995		TT. An Lão - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	29/30	96,7	Đạt	29/30	96,7	Đạt	100,0		100,0	
36	036	Nguyễn Thị Thành		20/10/1988	Tam Quang - Núi Thành - Quảng Nam		Bệnh viện Tâm thần	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính										Không nhận thẻ dự thi
37	037	Huỳnh Phương Thảo		16/3/1992	Phước Nghĩa - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính										Bỏ thi
38	038	Nguyễn Thị Hồng Thịnh		07/8/1985	TT. Tuy Phước - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	29/30	96,7	Đạt	30/30	100,0	Đạt	98,5		98,5	
39	039	Phan Thị Kim Thoa		20/5/1985	Cát Hanh - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính										Không nhận thẻ dự thi
40	040	Trần Thị Thúy		06/02/1990	P. Nhơn Phú - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính										Không nhận thẻ dự thi
41	041	Thái Thụy Thanh Thủy		18/3/1986	P. Nhơn Phú - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	25/30	83,3	Đạt	28/30	93,3	Đạt	12,5		12,5	
42	042	Nguyễn Thị Tiên		04/12/1992	TT. Ngô Mây - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính										Không nhận thẻ dự thi
43	043	Nguyễn Thị Tiếng		07/4/1989	Cát Hanh - Phù Cát - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	21/30	70,0	Đạt	22/30	73,3	Đạt	96,0		96,0	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghề nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
44	044	Huỳnh Thị Trang		20/01/1991	Vĩnh Thịnh - Vĩnh Thạnh Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	24/30	80,0	Đạt	25/30	83,3	Đạt	42,5		42,5	
45	045	Trương Thị Thủy Trang		10/10/1987	An Hòa - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính										Không nhận thẻ dự thi
46	046	Cao Thị Mỹ Trinh		17/5/1982	Nhơn Phong - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	20/30	66,7	Đạt	27/30	90,0	Đạt	43,0		43,0	
47	047	Lê Thị Tuyết Trinh		12/8/1982	P. Trần Quang Diệu - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	27/30	90,0	Đạt	30/30	100,0	Đạt	99,0		99,0	
48	048	Trần Thị Trúc		20/10/1986	Hoài Châu - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	28/30	93,3	Đạt	28/30	93,3	Đạt	80,0		80,0	
49	049	Nguyễn Thị Kim Tuyền		10/10/1995	Cát Khánh - Phù Cát - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính										Không nhận thẻ dự thi
50	050	Đỗ Thị Bé Ty		07/9/1987	Vĩnh Thịnh - Vĩnh Thạnh Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính	29/30	96,7	Đạt	28/30	93,3	Đạt	99,5		99,5	
51	051	Đặng Thị Tường Vi		26/3/1993	P. Lê Lợi - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính										Không nhận thẻ dự thi
52	052	Trương Lê Thủy Hằng		02/3/1992	Mỹ Thành - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Hộ sinh; Hoặc Đại học Điều dưỡng chuyên ngành phụ sản (tốt nghề nghiệp trước ngày 10/6/2022).	30/30	100,0	Đạt	27/30	90,0	Đạt	44,0		44,0	
53	053	Cao Thị Hương		07/5/1990	P. Đập Đá - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Đại học ngành Hộ sinh; Hoặc Đại học Điều dưỡng chuyên ngành phụ sản (tốt nghề nghiệp trước ngày 10/6/2022).	27/30	90,0	Đạt	28/30	93,3	Đạt	100,0		100,0	

Handwritten signatures and marks.

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghịệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển			Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2								
							Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả						
54	054	Cao Thị Mỹ Lệ		27/7/1990	Nhon Hạnh - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Đại học ngành Hộ sinh; Hoặc Đại học Điều dưỡng chuyên ngành phụ sản (tốt nghịệp trước ngày 10/6/2022).	30/30	100,0	Đạt	29/30	96,7	Đạt	86,0		86,0	
55	055	Huỳnh Thị Kiều My		11/6/1992	TT. Tuy Phước - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Hộ sinh; Hoặc Đại học Điều dưỡng chuyên ngành phụ sản (tốt nghịệp trước ngày 10/6/2022).	28/30	93,3	Đạt	30/30	100,0	Đạt	98,0		98,0	
56	056	Nguyễn Thị Kim Phụng		20/01/1996	Tây Xuân - Tây Sơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Hộ sinh; Hoặc Đại học Điều dưỡng chuyên ngành phụ sản (tốt nghịệp trước ngày 10/6/2022).										Không nhân thẻ dự thi
57	057	Tổng Thị Mỹ Thắm		09/7/1993	Phước Mỹ - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Hộ sinh; Hoặc Đại học Điều dưỡng chuyên ngành phụ sản (tốt nghịệp trước ngày 10/6/2022).										Không nhân thẻ dự thi
58	058	Nguyễn Phương Thảo		18/02/1994	Cát Tài - Phú Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Hộ sinh; Hoặc Đại học Điều dưỡng chuyên ngành phụ sản (tốt nghịệp trước ngày 10/6/2022).										Không nhân thẻ dự thi
59	059	Nguyễn Thái Hòa	14/02/1988		Ấn Thạnh - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính			Miễn thi	29/30	96,7	Đạt	82,0		82,0	
60	060	Nguyễn Thanh Hoài	15/4/1983		TT. Phù Mỹ - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính			Miễn thi	25/30	83,3	Đạt	79,5		79,5	
61	061	Nguyễn Thị Như Hoài		10/4/1992	Mỹ Trinh - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính										Không nhân thẻ dự thi
62	062	Nguyễn Quốc Khánh	03/7/1978		TT. Tăng Bạt Hổ - Hoài Ân - Bình Định	Học viên tốt nghịệp đào tạo sĩ quan dự bị	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính			Miễn thi	27/30	90,0	Đạt	73,5	5,0	78,5	
63	063	Nguyễn Thanh Trọng	21/8/1994		Phước Sơn - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vân Canh	Đại học ngành Công nghệ thông tin hoặc Đại học ngành Khoa học máy tính			Miễn thi	27/30	90,0	Đạt	78,0		78,0	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Diễn thi Nghịệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
64	064	Phạm Minh Châu	28/7/1999		Nhon Phong - TX. An Nhon - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Kỹ thuật hình ảnh y học hoặc Đại học ngành Chẩn đoán hình ảnh									Không nhận thẻ dự thi	
65	065	Hồ Ngọc Hiệu		11/3/1999	Ấn Nghĩa - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Kỹ thuật hình ảnh y học hoặc Đại học ngành Chẩn đoán hình ảnh	29/30	96,7	Đạt	28/30	93,3	Đạt	97,0		97,0	
66	066	Quách Trường Lộc	25/4/1998		Canh Vinh - Vân Canh - Bình Định	Dân tộc Mường	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Kỹ thuật hình ảnh y học hoặc Đại học ngành Chẩn đoán hình ảnh	23/30	76,7	Đạt	26/30	86,7	Đạt	94,0	5,0	99,0	
67	067	Nguyễn Tấn Phát	02/01/1997		P. Hoài Hào - TX. Hoài Nhon - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Kỹ thuật hình ảnh y học hoặc Đại học ngành Chẩn đoán hình ảnh	28/30	93,3	Đạt	30/30	100,0	Đạt	100,0		100,0	
68	068	Hà Thị Minh Thoa		24/7/1999	Cát Hanh - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Kỹ thuật hình ảnh y học hoặc Đại học ngành Chẩn đoán hình ảnh	28/30	93,3	Đạt	27/30	90,0	Đạt	100,0		100,0	
69	069	Thái Nguyên Bình		29/9/1988	Cát Trinh - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Đại học ngành Xét nghiệm y học hoặc Đại học ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	30/30	100,0	Đạt	29/30	96,7	Đạt	99,5		99,5	
70	070	Võ Tấn Đạt	20/8/1999		TT. Phú Phong - Tây Sơn Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhon	Đại học ngành Xét nghiệm y học hoặc Đại học ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học									Không nhận thẻ dự thi	
71	071	Đặng Thị Hiền Diễm		15/4/1992	P. Nhơn Bình - TP. Quy Nhon - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhon	Đại học ngành Xét nghiệm y học hoặc Đại học ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	29/30	96,7	Đạt	28/30	93,3	Đạt	95,0		95,0	
72	072	Đỗ Thị Hoa Diên		20/12/1989	Cát Hưng - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Đại học ngành Xét nghiệm y học hoặc Đại học ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	25/30	83,3	Đạt	28/30	93,3	Đạt	76,5		76,5	
73	073	Nguyễn Thanh Hằng		13/11/1998	P. Quang Trung - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Xét nghiệm y học hoặc Đại học ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	29/30	96,7	Đạt	30/30	100,0	Đạt	99,0		99,0	
74	074	Phạm Thị Hiền		20/12/2000	P. Hoài Hương - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Xét nghiệm y học hoặc Đại học ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học									Không nhận thẻ dự thi	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghề nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
							Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
			Nam	Nữ														
75	075	Hồ Văn Hơ	05/3/1991		P. Hoài Thanh Tây - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Xét nghiệm y học hoặc Đại học ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	29/30	96,7	Đạt	27/30	90,0	Đạt	94,0		94,0	
76	076	Đào Thị Hồng		06/01/1999	Phước Thuận - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Xét nghiệm y học hoặc Đại học ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học									Không nhận thẻ dự thi	
77	077	Lê Võ Lực	19/02/1991		TT. Phù Mỹ - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Đại học ngành Xét nghiệm y học hoặc Đại học ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	27/30	90,0	Đạt	26/30	86,7	Đạt	95,0		95,0	
78	078	Phạm Mỹ Ngân		20/8/1999	04 Bùi Xuân Phái - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Xét nghiệm y học hoặc Đại học ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học									Không nhận thẻ dự thi	
79	079	Vũ Trần Nguyên	08/02/1994		Ấn Thạnh - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Xét nghiệm y học hoặc Đại học ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học									Không nhận thẻ dự thi	
80	080	Trần Thị Phương Nhi		16/3/1999	Pong Drang - Krông Buk - Đắk Lắk		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Xét nghiệm y học hoặc Đại học ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	22/30	73,3	Đạt	21/30	70,0	Đạt	60,0		60,0	
81	081	Trần Thị Thất		18/3/1998	An Hòa - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Xét nghiệm y học hoặc Đại học ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học									Không nhận thẻ dự thi	
82	082	Hồ Lưu Thiện	17/9/1990		TT. Ngô Mỹ - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Đại học ngành Xét nghiệm y học hoặc Đại học ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	30/30	100,0	Đạt	29/30	96,7	Đạt	96,5		96,5	
83	083	Lương Ngọc Thương	30/11/1995		Cát Tài - Phù Cát - Bình Định	Con thương binh	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Đại học ngành Xét nghiệm y học hoặc Đại học ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	30/30	100,0	Đạt	27/30	90,0	Đạt	96,0	5,0	101,0	
84	084	Đặng Thị Lệ Thủy		02/4/1991	TT. Phù Mỹ - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Đại học ngành Xét nghiệm y học hoặc Đại học ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	28/30	93,3	Đạt	27/30	90,0	Đạt	93,5		93,5	
85	085	Đặng Linh Vương	12/9/1994		Mỹ Lộc - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Xét nghiệm y học hoặc Đại học ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học	30/30	100,0	Đạt	28/30	93,3	Đạt	76,0		76,0	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghề vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
86	086	Đào Thị Kim Yến		15/8/1999	P. Tam Quan - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Đại học ngành Xét nghiệm y học hoặc Đại học ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học									Không nhận thẻ dự thi	
87	087	Phạm Thị Chấn		01/10/1992	TT. Phù Mỹ - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Đại học ngành Gây mê hồi sức	29/30	96,7	Đạt	29/30	96,7	Đạt	100,0		100,0	
88	088	Dương Lê Tuấn Cường	26/11/1995		P. Bồng Sơn - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Đại học ngành Gây mê hồi sức	29/30	96,7	Đạt	29/30	96,7	Đạt	98,0		98,0	
89	089	Trần Thị Kim Nhi		28/02/1993	Cát Hanh - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Gây mê hồi sức									Không nhận thẻ dự thi	
90	090	Đào Ngọc Văn	05/5/1993		P. Nhơn Thành - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Gây mê hồi sức									Không nhận thẻ dự thi	
91	091	Huỳnh Thị Ánh		05/6/1996	Nhơn Mỹ - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	26/30	86,7	Đạt	29/30	96,7	Đạt	68,0		68,0	
92	092	Đoàn Thị Diễm		17/01/1997	Cát Nhơn - Phù Cát - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học ngành Điều dưỡng	26/30	86,7	Đạt	30/30	100,0	Đạt	87,0		87,0	
93	093	Ngô Thúy Diễm		25/5/1993	Hoài Châu - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Đại học ngành Điều dưỡng									Bỏ thi	
94	094	Đặng Như Định	01/01/1992		Nhơn Lộc - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	26/30	86,7	Đạt	30/30	100,0	Đạt	36,0		36,0	
95	095	Trần Thị Kiều Giang		20/6/1994	Phước Hiệp - Tuy Phước - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học ngành Điều dưỡng									Không nhận thẻ dự thi	
96	096	Phạm Thị Thu Hà		16/02/1999	Ấn Phong - Hoài Ân - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Đại học ngành Điều dưỡng	30/30	100,0	Đạt	30/30	100,0	Đạt	80,5		80,5	
97	097	Võ Thị Hồng Hà		22/11/1996	P. Quang Trung - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Đại học ngành Điều dưỡng	27/30	90,0	Đạt	30/30	100,0	Đạt	92,5		92,5	
98	098	Huỳnh Thị Bảo Hân		24/5/1997	P. Nhơn Phú - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Đại học ngành Điều dưỡng	26/30	86,7	Đạt	29/30	96,7	Đạt	70,0		70,0	
99	099	Nguyễn Thị Hân		22/4/1990	TT. Phù Mỹ - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Đại học ngành Điều dưỡng	29/30	96,7	Đạt	30/30	100,0	Đạt	81,0		81,0	
100	100	Hoàng Thị Kim Hằng		07/3/1987	Quảng Lợi - Quảng Điền - Thừa Thiên Huế		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Đại học ngành Điều dưỡng	19/30	63,3	Đạt	29/30	96,7	Đạt	9,0		9,0	
101	101	Nguyễn Thị Minh Hiếu		30/01/1999	TT. Diêu Trì - Tuy Phước - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Đại học ngành Điều dưỡng	24/30	80,0	Đạt	29/30	96,7	Đạt	86,0		86,0	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghịệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
102	102	Lê Thị Bích Hồng		06/02/1995	Phước Thuận - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng									Không nhận thẻ dự thi	
103	103	Lê Thị Huệ		25/10/1994	P. Tam Quan - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Đại học ngành Điều dưỡng	28/30	93,3	Đạt	24/30	80,0	Đạt	79,5		79,5	
104	104	Đỗ Thị Hương		16/3/1997	Ấn Tín - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Đại học ngành Điều dưỡng	29/30	96,7	Đạt	28/30	93,3	Đạt	86,0		86,0	
105	105	Dương Thị Minh Huyền		24/12/1995	TT. Phù Mỹ - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Đại học ngành Điều dưỡng									Không nhận thẻ dự thi	
106	106	Võ Thị Hy		12/6/1996	P. Nhơn Bình - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	27/30	90,0	Đạt	27/30	90,0	Đạt	70,5		70,5	
107	107	Thái Thị Mỹ Kiều		14/02/1989	Phước Nghĩa - Tuy Phước - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Đại học ngành Điều dưỡng									Không nhận thẻ dự thi	
108	108	Hà Thị Diễm Lệ		19/3/1995	Nhơn Tân - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	28/30	93,3	Đạt	25/30	83,3	Đạt	64,0		64,0	
109	109	Hoàng Nguyễn Ánh Linh		10/10/1999	Mỹ Thăng - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	29/30	96,7	Đạt	30/30	100,0	Đạt	55,5		55,5	
110	110	Huỳnh Thị Thủy Linh		02/7/1996	P. Hoài Xuân - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Đại học ngành Điều dưỡng	29/30	96,7	Đạt	30/30	100,0	Đạt	48,0		48,0	
111	111	Lê Nguyễn Kiều Loan		29/9/1998	P. Đồng Đa - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Đại học ngành Điều dưỡng	27/30	90,0	Đạt	29/30	96,7	Đạt	79,0		79,0	
112	112	Nguyễn Thị Thủy Loan		04/8/1996	TT. Ngô Mây - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Đại học ngành Điều dưỡng									Không nhận thẻ dự thi	
113	113	Nguyễn Thị Mỹ Lợi		01/12/1993	P. Nhơn Thành - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng									Không nhận thẻ dự thi	
114	114	Lê Thị Trà My		25/3/1999	P. Bùi Thị Xuân - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học ngành Điều dưỡng	24/30	80,0	Đạt	26/30	86,7	Đạt	55,0		55,0	
115	115	Hồ Thị Mỹ Nga		12/11/1993	Ấn Hòa - Ấn Lão - Bình Định	Con thương binh	Trung tâm Y tế huyện Ấn Lão	Đại học ngành Điều dưỡng	30/30	100,0	Đạt	29/30	96,7	Đạt	75,0	5,0	80,0	
116	116	Lê Vũ Tuyết Nga		19/10/1997	P. Trần Quang Diệu - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	22/30	73,3	Đạt	28/30	93,3	Đạt	12,5		12,5	
117	117	Huỳnh Thị Ngân		10/8/1989	P. Hoài Tân - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Đại học ngành Điều dưỡng	29/30	96,7	Đạt	29/30	96,7	Đạt	84,0		84,0	
118	118	Huỳnh Thị Thúy Ngân		23/12/1997	Phước Nghĩa - Tuy Phước - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Đại học ngành Điều dưỡng	24/30	80,0	Đạt	26/30	86,7	Đạt	35,0		35,0	
119	119	Trần Thị Thanh Ngân		04/5/2000	Ấn Đức - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Đại học ngành Điều dưỡng	25/30	83,3	Đạt	25/30	83,3	Đạt	19,0		19,0	

Handwritten signatures and marks.

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghịệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
120	120	Trần Thị Thủy Ngân		10/7/1998	Cát Tài - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Đại học ngành Điều dưỡng	30/30	100,0	Đạt	29/30	96,7	Đạt	71,0		71,0	
121	121	Trần Thị Minh Nguyệt		10/10/1995	Ấn Nghĩa - Hoài Ân - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
122	122	Nguyễn Thị Thanh Nháng		01/3/1989	TT. Tuy Phước - Tuy Phước - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học ngành Điều dưỡng	30/30	100,0	Đạt	30/30	100,0	Đạt	92,0		92,0	
123	123	Trần Huỳnh Như		04/10/1999	Mỹ Thành - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Đại học ngành Điều dưỡng	30/30	100,0	Đạt	28/30	93,3	Đạt	64,0		64,0	
124	124	Huỳnh Thị Thùy Nhung		20/02/1985	TT. Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thạnh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Đại học ngành Điều dưỡng	30/30	100,0	Đạt	29/30	96,7	Đạt	86,0		86,0	
125	125	Đặng Thị Ni		10/01/1990	P. Hoài Tân - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Đại học ngành Điều dưỡng	29/30	96,7	Đạt	28/30	93,3	Đạt	73,0		73,0	
126	126	Phạm Hồng Oanh		11/01/1998	Cát Lâm - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	30/30	100,0	Đạt	29/30	96,7	Đạt	24,0		24,0	
127	127	Lê Thị Lệ Phương		16/01/1996	P. Nhơn Hòa - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vân Canh	Đại học ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
128	128	Nguyễn Thị Mai Phương		28/3/1995	P. Hoài Thanh - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Đại học ngành Điều dưỡng	28/30	93,3	Đạt	28/30	93,3	Đạt	85,0		85,0	
129	129	Nguyễn Thanh Quý	03/11/1998		P. Hoài Xuân - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Đại học ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
130	130	Lê Thị Hồng Siêng		18/02/1992	Cát Tân - Phù Cát - Bình Định	Con bệnh binh	Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Đại học ngành Điều dưỡng	30/30	100,0	Đạt	28/30	93,3	Đạt	87,0	5,0	92,0	
131	131	Bùi Thị Diễm Sương		22/9/1996	P. Bồng Sơn - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Đại học ngành Điều dưỡng	27/30	90,0	Đạt	29/30	96,7	Đạt	60,5		60,5	
132	132	Lê Thị Tuyết Sương		12/3/1998	Mỹ Thành - Phù Mỹ - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học ngành Điều dưỡng	26/30	86,7	Đạt	27/30	90,0	Đạt	37,5		37,5	
133	133	Trình Thị Sương		13/3/1993	P. Hoài Đức - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	29/30	96,7	Đạt	29/30	96,7	Đạt	58,5		58,5	
134	134	Phan Thị Tâm		06/5/1993	P. Quang Trung - TP. Quy Nhơn - Bình Định	Con của người hưởng chính sách như thương binh	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	29/30	96,7	Đạt	27/30	90,0	Đạt	87,0	5,0	92,0	
135	135	Nguyễn Thị Kim Thắm		20/9/1994	P. An Bình - TX. An Khê - Gia Lai		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Đại học ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
136	136	Trương Văn Thanh	11/10/1988		P. Tam Quan Bắc - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Đại học ngành Điều dưỡng	29/30	96,7	Đạt	26/30	86,7	Đạt	33,0		33,0	
137	137	Nguyễn Thị Thu Thảo		15/5/1992	Cát Minh - Phù Cát - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học ngành Điều dưỡng	27/30	90,0	Đạt	28/30	93,3	Đạt	81,5		81,5	

LED

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghịệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
							Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
138	138	Phan Thị Ngọc Thảo		05/9/1996	P. Nhơn Thành - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	29/30	96,7	Đạt	29/30	96,7	Đạt	57,0		57,0	
139	139	Đinh Thị Duyên Thi		10/11/2000	Mỹ Chánh - Phù Mỹ - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học ngành Điều dưỡng	21/30	70,0	Đạt	27/30	90,0	Đạt	73,0		73,0	
140	140	Lê Mai Thi		22/3/1998	P. Lê Hồng Phong - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	29/30	96,7	Đạt	30/30	100,0	Đạt	30,0		30,0	
141	141	Nguyễn Thị Ngọc Thi		21/6/1999	Phước Hòa - Tuy Phước - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học ngành Điều dưỡng	28/30	93,3	Đạt	27/30	90,0	Đạt	73,0		73,0	
142	142	Ngô Thị Lê Thu		22/6/1997	Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định		Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Đại học ngành Điều dưỡng	28/30	93,3	Đạt	29/30	96,7	Đạt	74,0		74,0	
143	143	Huỳnh Thị Thương		29/3/2000	Hoài Mỹ - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học ngành Điều dưỡng	25/30	83,3	Đạt	30/30	100,0	Đạt	51,0		51,0	
144	144	Đỗ Thị Thu Thủy		08/3/1988	P. Bồng Sơn - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	29/30	96,7	Đạt	29/30	96,7	Đạt	70,0		70,0	
145	145	Lê Thị Bích Thủy		22/3/1985	TT. Phù Mỹ - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Đại học ngành Điều dưỡng	22/30	73,3	Đạt	30/30	100,0	Đạt	44,5		44,5	
146	146	Đào Thị Mỹ Trang		17/01/1989	TT. Vĩnh Thanh - Vĩnh Thanh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thanh	Đại học ngành Điều dưỡng	29/30	96,7	Đạt	30/30	100,0	Đạt	34,0		34,0	
147	147	Nguyễn Cao Tú Trinh		27/01/1999	P. Ngô Mây - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	24/30	80,0	Đạt	27/30	90,0	Đạt	3,0		3,0	
148	148	Lê Thị Thanh Tú		26/8/1996	Nhơn Phong - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	28/30	93,3	Đạt	28/30	93,3	Đạt	35,0		35,0	
149	149	Nguyễn Thị Thanh Tú		09/6/1990	TT. Phú Phong - Tây Sơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	27/30	90,0	Đạt	30/30	100,0	Đạt	41,0		41,0	
150	150	Nguyễn Thục Uyên		19/01/1998	P. Xuân Phú - TX. Sông Cầu - Phù Yên		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
151	151	Hà Thị Tường Vi		29/8/1999	TT. Ngô Mây - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Đại học ngành Điều dưỡng	25/30	83,3	Đạt	30/30	100,0	Đạt	50,0		50,0	
152	152	Đinh Hoàng Hồng Việt	22/10/1989		Ấn Nghĩa - Hoài Ân - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Đại học ngành Điều dưỡng	24/30	80,0	Đạt	30/30	100,0	Đạt	99,0		99,0	
153	153	Nguyễn Tường Vy		18/8/1997	Vĩnh Hào - Vĩnh Thanh - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học ngành Điều dưỡng	27/30	90,0	Đạt	30/30	100,0	Đạt	63,5		63,5	
154	154	Trần Thị Hiền Vy		15/01/1997	P. Nguyễn Văn Cừ - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	27/30	90,0	Đạt	30/30	100,0	Đạt	59,5		59,5	
155	155	Trần Trúc Vy		24/01/1995	Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	27/30	90,0	Đạt	30/30	100,0	Đạt	52,0		52,0	
156	156	Nguyễn Thị Xuyên		18/3/1999	Cát Hanh - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Đại học ngành Điều dưỡng	26/30	86,7	Đạt	28/30	93,3	Đạt	46,0		46,0	

Handwritten signature and initials

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghệ nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiền	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
157	157	Lê Thị Ý		29/8/1988	P. Hoài Xuân - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Đại học ngành Điều dưỡng	28/30	93,3	Đạt	30/30	100,0	Đạt	62,0		62,0	
158	158	Trần Thị Ngọc Điểm		16/10/1992	TT. Tuy Phước - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Đại học ngành Kỹ thuật phục hình răng	30/30	100,0	Đạt	30/30	100,0	Đạt	64,0		64,0	
159	159	Vũ Trần Bảo Huyền		08/12/1993	P. Bùi Thị Xuân - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Thạc sĩ Y tế công cộng	29/30	96,7	Đạt	30/30	100,0	Đạt	91,0		91,0	
160	160	Nguyễn Thị Huỳnh Uyên		01/12/1990	Hòa Tân Đông - Đông • Hòa - Phú Yên		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Thạc sĩ Y tế công cộng	25/30	83,3	Đạt	28/30	93,3	Đạt	16,5		16,5	
161	161	Nguyễn Thị Kim Co		02/9/1997	Bình Thuận - Tây Sơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Y tế công cộng	27/30	90,0	Đạt	28/30	93,3	Đạt	38,0		38,0	
162	162	Phan Hoàng Hương Giang		27/7/1998	P. Hoài Hương- TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Y tế công cộng	29/30	96,7	Đạt	29/30	96,7	Đạt	87,5		87,5	
163	163	Nguyễn Thị Thu Hiền		10/10/2000	Mỹ Cát - Phú Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Y tế công cộng	29/30	96,7	Đạt	30/30	100,0	Đạt	87,0		87,0	
164	164	Phạm Thị Hồng		10/10/1996	Nhơn Tân - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Y tế công cộng										Không nhận thẻ dự thi
165	165	Đinh Thị Hương		01/01/1995	An Vinh - An Lão - Bình Định	Dân tộc H'rê	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Đại học ngành Y tế công cộng										Không nhận thẻ dự thi
166	166	Phùng Thị Mỹ Linh		04/5/1996	P. Hoài Thanh Tây - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Y tế công cộng	28/30	93,3	Đạt	30/30	100,0	Đạt	80,5		80,5	
167	167	Nguyễn Thị Thu Nữ		03/4/1999	Mỹ Chánh - Phú Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Y tế công cộng	24/30	80,0	Đạt	28/30	93,3	Đạt	8,0		8,0	
168	168	Dương Phương Thảo		18/8/1998	Cát Hanh - Phú Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Y tế công cộng	29/30	96,7	Đạt	30/30	100,0	Đạt	88,5		88,5	
169	169	Bùi Nguyễn Thị Nhật Trinh		20/10/1996	Bình Trung - Bình Sơn - Quảng Ngãi		Trung tâm Y tế huyện Vân Canh	Đại học ngành Y tế công cộng	30/30	100,0	Đạt	29/30	96,7	Đạt	53,0		53,0	
170	170	Nguyễn Đăng Trình	27/4/1996		Canh Vinh - Vân Canh - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Y tế công cộng	30/30	100,0	Đạt	30/30	100,0	Đạt	86,0		86,0	
171	171	Trần Đăng Thủy Vi		27/02/1994	P. Trần Phú - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Đại học ngành Y tế công cộng							4,0		4,0	Bỏ thi 2 môn Đánh giá kỹ năng
172	172	Đinh Thị Xanh		13/12/1994	Canh Thuận - Vân Canh - Bình Định	Dân tộc Ba Na	Trung tâm Y tế huyện Vân Canh	Đại học ngành Y tế công cộng	29/30	96,7	Đạt			Miễn thi	43,5	5,0	43,5	Điểm thi dưới 50 điểm không cộng điểm ưu tiên

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghịệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
							Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
			Nam	Nữ														
173	173	Trần Thị Phương Anh		02/3/1994	Mỹ Châu - Phù Mỹ - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng, Phục hồi chức năng, Vật lý trị liệu	24/30	80,0	Đạt	30/30	100,0	Đạt	19,0		19,0	
174	174	Nguyễn Hoàng Thái Dương	01/9/1997		Cát Tân - Phù Cát - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng, Phục hồi chức năng, Vật lý trị liệu	29/30	96,7	Đạt	30/30	100,0	Đạt	64,5		64,5	
175	175	Hồ Tây	20/4/1995		P. Tam Quan Bắc - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng, Phục hồi chức năng, Vật lý trị liệu	30/30	100,0	Đạt	30/30	100,0	Đạt	24,5		24,5	
176	176	Đinh Thị Kiều Trang		04/6/1998	Phổ Thạnh - Đức Phổ - Quảng Ngãi		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng, Phục hồi chức năng, Vật lý trị liệu	29/30	96,7	Đạt	29/30	96,7	Đạt	39,0		39,0	
177	177	Nguyễn Minh Đức	09/01/1993		P. Tam Quan Bắc - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Đại học ngành Hành chính										Không nhận thẻ dự thi
178	178	Nguyễn Thị Thủy Tâm		18/02/1991	An Tân - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Đại học ngành Hành chính	30/30	100,0	Đạt	29/30	96,7	Đạt	100,0		100,0	
179	179	Nguyễn Bá Thạch	23/8/1987		Phước Hiệp - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Đại học ngành Hành chính	29/30	96,7	Đạt	30/30	100,0	Đạt	100,0		100,0	
180	180	Lê Nguyễn Hoài Anh		25/3/1991	P. Lý Thường Kiệt - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính										Không nhận thẻ dự thi
181	181	Đinh Văn Bình	19/8/1986		Vĩnh Hiệp - Vĩnh Thạnh - Bình Định	Dân tộc Ba Na	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	29/30	96,7	Đạt	29/30	96,7	Đạt	94,0	5,0	99,0	
182	182	Từ Thị Cương		30/8/1994	Canh Thuận - Văn Canh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Văn Canh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	28/30	93,3	Đạt	24/30	80,0	Đạt	99,5		99,5	

Handwritten signatures and marks.

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghịệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
183	183	Nguyễn Đình Cường	20/11/1992		Cát Hanh - Phú Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	28/30	93,3	Đạt	30/30	100,0	Đạt	100,0		100,0	
184	184	Lê Quang Đại	20/02/1997		P. Hoài Thanh - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vân Canh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính										Không nhận thẻ dự thi
185	185	Đặng Chi Danh	25/5/1988		Mỹ Lộc - Phú Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vân Canh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	30/30	100,0	Đạt	28/30	93,3	Đạt	98,0		98,0	
186	186	Đình Văn Đất	03/4/1997		An Dũng - An Lão - Bình Định	Dân tộc H're	Trung tâm Y tế huyện An Lão	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	29/30	96,7	Đạt			Miễn thi	86,0	5,0	91,0	
187	187	Nguyễn Thị Thanh Diễm		02/6/1995	Cát Tài - Phú Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	29/30	96,7	Đạt	28/30	93,3	Đạt	99,0		99,0	
188	188	Nguyễn Lê Thanh Dung		21/10/1999	227 Nguyễn Thái Học - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	22/30	73,3	Đạt	25/30	83,3	Đạt	39,0		39,0	
189	189	Nguyễn Hồ Khánh Duy	14/9/1997		P. Quang Trung - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính										Không nhận thẻ dự thi
190	190	Lê Thị Hồng Hải		02/6/1980	TT. An Lão - An Lão - Bình Định	Con thương binh	Trung tâm Y tế huyện An Lão	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính										Không nhận thẻ dự thi
191	191	Lê Thị Thu Hằng		14/9/1993	P. Hoài Thanh Tây - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	24/30	80,0	Đạt	27/30	90,0	Đạt	87,5		87,5	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghịệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
							Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
192	192	Phạm Thị Thu Hằng		26/7/1984	TT. Phú Mỹ - Phú Mỹ - Bình Định	Con thương binh	Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính									Không nhận thẻ dự thi	
193	193	Trần Thị Hậu		05/4/1987	Vĩnh Quang - Vĩnh Thạnh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	26/30	86,7	Đạt	30/30	100,0	Đạt	100,0	100,0		
194	194	Trần Thị Hiền		13/12/1983	Canh Vinh - Văn Canh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Văn Canh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	25/30	83,3	Đạt	24/30	80,0	Đạt	89,0	89,0		
195	195	Hồ Thị Vinh Hiền		06/4/1981	P. Nguyễn Văn Cừ - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	27/30	90,0	Đạt	30/30	100,0	Đạt	100,0	100,0		
196	196	Lê Thị Minh Hiếu		07/9/2000	Ân Hào Đông - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	25/30	83,3	Đạt	29/30	96,7	Đạt	53,0	53,0		
197	197	Đinh Thị HLiểu		15/8/1999	TT. Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thạnh - Bình Định	Dân tộc Ba Na	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	29/30	96,7	Đạt	27/30	90,0	Đạt	48,0	5,0	48,0	Điểm thi dưới 50 điểm không công điểm ưu tiên
198	198	Lê Minh Hòa	10/10/1984		Cát Nhơn - Phù Cát - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	27/30	90,0	Đạt	29/30	96,7	Đạt	37,5	37,5		
199	199	Phạm Công Hoàng	20/9/1981		Nhơn Hậu - TX. An Nhơn - Bình Định	Con thương binh	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính							48,0	5,0	48,0	Vì phạm quy chế 02 môn Đánh giá kỹ năng
200	200	Nguyễn Thị Hồng		27/11/1996	P. Nguyễn Văn Cừ - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính										Không nhận thẻ dự thi

Handwritten signatures and marks at the bottom right of the page.

TT	SBĐ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghề nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
201	201	Nguyễn Thị Hồng		14/8/1990	P. Nhơn Phú - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	26/30	86,7	Đạt	27/30	90,0	Đạt	61,0		61,0	
202	202	Nông Thị Huệ		10/3/1991	Canh Thuận - Văn Canh - Bình Định	Dân tộc Tây	Trung tâm Y tế huyện Văn Canh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	23/30	76,7	Đạt			Miễn thi	55,0	5,0	60,0	
203	203	Nguyễn Thị Thanh Hương		24/8/1992	P. Bình Định - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	23/30	76,7	Đạt	29/30	96,7	Đạt	100,0		100,0	
204	204	Nguyễn Ngọc Huy	01/5/1998		Phước Thành - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	25/30	83,3	Đạt	25/30	83,3	Đạt	57,0		57,0	
205	205	Nguyễn Nhụy Huyền		02/9/1998	Cát Hanh - Phú Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	30/30	100,0	Đạt	26/30	86,7	Đạt	98,0		98,0	
206	206	Trần Thị Bích Huyền		06/01/1998	Phước Hiệp - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính										Không nhận thẻ dự thi
207	207	Nguyễn Thị Kha		10/02/1991	TT. Vĩnh Thanh - Vĩnh Thạnh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	29/30	96,7	Đạt	28/30	93,3	Đạt	92,0		92,0	
208	208	Đình Văn Khang	01/9/2000		Bok Tới - Hoài Ân - Bình Định	Dân tộc Ba Na	Trung tâm Y tế huyện Văn Canh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	26/30	86,7	Đạt			Miễn thi	88,5	5,0	93,5	
209	209	Đình Thị Khánh		12/12/1997	An Dũng - An Lão - Bình Định	Dân tộc H'rê	Trung tâm Y tế huyện An Lão	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	29/30	96,7	Đạt			Miễn thi	96,0	5,0	101,0	

Handwritten signatures and marks at the bottom right of the page.

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghịệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
210	210	Nguyễn Duy Khánh	30/01/1986		TT. Phú Mỹ - Phú Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	28/30	93,3	Đạt	29/30	96,7	Đạt	97,0		97,0	
211	211	Trịnh Văn Khánh	24/8/1990		P. Nguyễn Văn Cừ - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính										Không nhận thẻ dự thi
212	212	Đoàn Văn Khoa	09/7/1992		Bình Tường - Tây Sơn - Bình Định		Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	11/30	36,7	Không đạt	28/30	93,3	Đạt	97,5		97,5	
213	213	Đặng Thị Hồng Khương		06/8/1994	P. Ngô Mây - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	27/30	90,0	Đạt	28/30	93,3	Đạt	100,0		100,0	
214	214	Đinh Thị Thủy Kiều		27/11/1999	Vĩnh Hảo - Vĩnh Thanh - Bình Định	Dân tộc Ba Na	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	16/30	53,3	Đạt	16/30	53,3	Đạt	6,0	5,0	6,0	Điểm thi dưới 50 điểm không cộng điểm ưu tiên
215	215	Nguyễn Thị Kiều		06/9/1992	Bình Nghi - Tây Sơn - Bình Định		Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính										Không nhận thẻ dự thi
216	216	Nguyễn Ngọc Lân	25/11/1989		Cát Chánh - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vân Canh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính										Không nhận thẻ dự thi
217	217	Ngô Thị Dạ Liễu		06/10/1992	TT. Vĩnh Thanh - Vĩnh Thạnh - Bình Định	Con thương binh	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính										Bỏ thi
218	218	Nguyễn Thị Thùy Linh		19/5/1999	Ấn Hào Đông - Hoài Ân - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	26/30	86,7	Đạt	28/30	93,3	Đạt	100,0		100,0	

Handwritten signatures and marks.

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghịệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
219	219	Trương Hoàng Gia Linh		02/6/2000	TT. Đak Đoa - Đak Đoa - Gia Lai		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính									Không nhận thẻ dự thi	
220	220	Mai Thành Long	10/12/1997		Canh Thuận - Văn Canh - Bình Định	Dân tộc Ba Na	Trung tâm Y tế huyện Văn Canh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	29/30	96,7	Đạt			Miễn thi	100,0	5,0	105,0	
221	221	Phan Nguyễn Minh Minh		25/02/2000	TT. Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thạnh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	24/30	80,0	Đạt	27/30	90,0	Đạt	99,0		99,0	
222	222	Nguyễn Thị Lệ My		29/4/1999	Canh Vinh - Văn Canh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Văn Canh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	27/30	90,0	Đạt	24/30	80,0	Đạt	87,0		87,0	
223	223	Huỳnh Thị Hồng Nhiên		16/7/1990	TT. Tuy Phước - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính									Không nhận thẻ dự thi	
224	224	Lê Nguyễn Hoàng Phan	19/9/1999		Mỹ Phong - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	22/30	73,3	Đạt	20/30	66,7	Đạt	4,0		4,0	
225	225	Nguyễn Thị Yến Phụng		27/01/1999	An Hòa - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	27/30	90,0	Đạt	25/30	83,3	Đạt	91,0		91,0	
226	226	Bùi Thị Thanh Phương		20/9/1994	TT. Tăng Bạt Hổ - Hoài Ấn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ấn	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	25/30	83,3	Đạt	24/30	80,0	Đạt	72,0		72,0	
227	227	Huỳnh Ngọc Quân	21/4/1995		TT. Ngô Mây - Phù Cát - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính									Không nhận thẻ dự thi	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghịệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
							Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
228	228	Châu Thị Lệ Quảng		20/4/1998	Nhon Mỹ - TX. An Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính									Không nhận thẻ dự thi	
229	229	Nguyễn Tú Quyên		03/02/1998	Vinh Thịnh - Vinh Thanh- Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thanh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính									Không nhận thẻ dự thi	
230	230	Nguyễn Thị Thu Sang		06/11/1999	Tây Xuân - Tây Sơn - Bình Định		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính									Không nhận thẻ dự thi	
231	231	Trần Đức Thạch	27/5/1982		P. Nhơn Bình - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính									Không nhận thẻ dự thi	
232	232	Trần Đăng Thắng	19/9/1999		P. Lê Lợi - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	21/30	70,0	Đạt	24/30	80,0	Đạt	67,5		67,5	
233	233	Nguyễn Chi Thanh	20/4/1976		P. Hải Cảng - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	27/30	90,0	Đạt	24/30	80,0	Đạt	62,0		62,0	
234	234	Lê Thị Thảo		08/8/1997	Ân Phong - Hoài Ân - Bình Định	Con thương binh	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính									Không nhận thẻ dự thi	
235	235	Nguyễn Thị Phương Thảo		04/6/2000	Mỹ Cát - Phù Mỹ - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	28/30	93,3	Đạt	24/30	80,0	Đạt	71,0		71,0	
236	236	Nguyễn Thị Thu Thảo		07/7/2000	Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định		Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính									Không nhận thẻ dự thi	

Handwritten signatures and marks.

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghệ vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
237	237	Đoàn Quốc Thịnh	19/11/1993		Mỹ Hiệp - Phú Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính							0		0	Bỏ thi 2 môn Đánh giá kỹ năng
238	238	Cao Thị Thoa		24/4/1993	TT. Tăng Bat Hồ - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	30/30	100,0	Đạt	30/30	100,0	Đạt	98,0		98,0	
239	239	Lê Thị Thu Thủy		17/12/1997	Ấn Hảo Đông - Hoài Ân - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	24/30	80,0	Đạt	29/30	96,7	Đạt	100,0		100,0	
240	240	Nguyễn Thị Việt Tiệp		16/02/1999	TT. Phú Mỹ - Phú Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính										Không nhận thẻ dự thi
241	241	Phan Thanh Trà		19/9/1999	P. Đồng Đa - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	27/30	90,0	Đạt	25/30	83,3	Đạt	81,5		81,5	
242	242	Bùi Trần Bảo Trâm		07/12/2000	70/2 Tăng Bat Hồ - TP Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính										Không nhận thẻ dự thi
243	243	Phạm Thị Lan Trinh		04/9/1999	An Hòa - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	27/30	90,0	Đạt	30/30	100,0	Đạt	100,0		100,0	
244	244	Lê Huỳnh Ngọc Trúc		16/11/1995	P. Hoài Thanh - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính										Không nhận thẻ dự thi
245	245	Đình Văn Trường	26/12/2000		TT. An Lão - An Lão - Bình Định	Dân tộc H'rê	Trung tâm Y tế huyện An Lão	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	27/30	90,0	Đạt			Miễn thi	100,0	5,0	105,0	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghệ nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
							Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
246	246	Võ Đình Tu	10/5/1988		Mỹ An - Phú Mỹ - Bình Định	Con thương binh	Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	24/30	80,0	Đạt	17/30	56,7	Đạt	97,5	5,0	102,5	
247	247	Hồ Nguyễn Sỹ Yăn	01/01/2000		207/5 Tăng Bạt Hổ - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	21/30	70,0	Đạt	24/30	80,0	Đạt	60,0		60,0	
248	248	Rcom Vinh	15/7/1998		P. Sông Bờ - TX. AyunPa - Gia Lai	Dân tộc Jrai	Bệnh viện Tâm thần	Đại học thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản trị kinh doanh, Hành chính	20/30	66,7	Đạt	6/30	20,0	Không đạt	89,0	5,0	94,0	
249	249	Đinh Hồng Quân	18/11/1990		An Trung - An Lão - Bình Định	Dân tộc Hrê	Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ	Đại học ngành Công tác xã hội			Miễn thi			Miễn thi	100,0	5,0	105,0	
250	250	Bùi Thị Phương Linh		22/10/1995	P. Nhơn Phú- TP. Quy Nhơn- Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Đại học ngành Tâm lý										Không nhận thẻ dự thi
251	251	Nguyễn Thị Phương Thảo		28/5/1996	P. Nguyễn Văn Cừ - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Đại học ngành Tâm lý			Miễn thi			Miễn thi	20,0		20,0	
252	252	Trương Thị Mỹ Xuyên		20/12/1998	Canh Vinh - Văn Canh - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Đại học ngành Tâm lý										Không nhận thẻ dự thi
253	253	Nguyễn Trường Duy	10/01/1992		Vĩnh Thịnh - Vĩnh Thạnh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Đại học ngành Tài nguyên và Môi trường										Không nhận thẻ dự thi
254	254	Phan Thị Thủy Hương		17/9/1995	Vĩnh Thịnh - Vĩnh Thạnh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Đại học ngành Tài nguyên và Môi trường										Không nhận thẻ dự thi
255	255	Lê Thị Hồng Sơn		09/10/1993	TT. Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thạnh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Đại học ngành Tài nguyên và Môi trường			Miễn thi			Miễn thi	90,0		90,0	
256	256	Trịnh Thị Đường		20/7/1996	Hoài Sơn - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Hộ sinh			Miễn thi			Miễn thi	46,0		46,0	
257	257	Ngô Thị Nền		17/10/1998	Hoài Châu - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Hộ sinh			Miễn thi			Miễn thi	3,0		3,0	
258	258	Phan Thị Hồng Ngải		20/11/1996	Ân Tường Đông - Hoài Ân - Bình Định	Con của người hưởng chính sách như thương binh	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Hộ sinh			Miễn thi			Miễn thi	79,0	5,0	84,0	
259	259	Đoàn Thị Yên Nhi		27/11/1996	Vĩnh Sơn - Vĩnh Thạnh - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Hộ sinh			Miễn thi			Miễn thi	99,0		99,0	

Handwritten signature and initials

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghề nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiền	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
260	260	Hồ Lệ Nhơn		17/4/1994	Cát Lâm - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Hộ sinh			Miễn thi			Miễn thi	98,0		98,0	
261	261	Nguyễn Thị Thu Sang		06/5/1995	Phước Thuận - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Hộ sinh										Không nhận thẻ dự thi
262	262	Nguyễn Thị Pha Sy		11/11/1994	TT. Vĩnh Thanh - Vĩnh Thanh - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Hộ sinh			Miễn thi			Miễn thi	36,0		36,0	
263	263	Nguyễn Thị Huyền Thao		08/3/1996	Phước Thuận - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Hộ sinh			Miễn thi			Miễn thi	47,0		47,0	
264	264	Đoàn Thị Mỹ Thơ		02/4/1993	Nhơn Khánh - TX. An Nhơn - Bình Định	Con thương binh	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Hộ sinh			Miễn thi			Miễn thi	65,0	5,0	70,0	
265	265	Võ Thị Kim Thoa		18/6/1996	TT. Vĩnh Thanh - Vĩnh Thanh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Hộ sinh			Miễn thi			Miễn thi	72,0		72,0	
266	266	Nguyễn Thị Thùy Trang		17/11/1995	P. Bình Định - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Hộ sinh			Miễn thi			Miễn thi	90,0		90,0	
267	267	Tạ Thị Thu Trang		04/6/1997	Châu Pha - TX. Phú Mỹ - Bà Rịa - Vũng Tàu		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Hộ sinh										Không nhận thẻ dự thi
268	268	Đinh Thị Kim Trinh		12/8/1997	Bok Tới - Hoài Ân - Bình Định	Dân tộc Ba Na	Trạm Y tế xã Ân Hữu thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Hộ sinh			Miễn thi			Miễn thi	57,5	5,0	62,5	
269	269	Lê Thị Vân		09/01/1996	P. Đập Đá - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Hộ sinh			Miễn thi			Miễn thi	93,5		93,5	
270	270	Trần Thị Xuyên		03/6/1998	Ân Thanh - Hoài Ân - Bình Định	Con của người hưởng chính sách như thương binh	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Hộ sinh			Miễn thi			Miễn thi	77,5	5,0	82,5	
271	271	Nguyễn Du Ái		07/10/1998	Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	48,5		48,5	
272	272	Phạm Thúy An		02/02/1993	Phước Thắng - Tuy Phước - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	94,5		94,5	
273	273	Phan Thị Mỹ An		22/5/1992	An Hòa - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	89,0		89,0	
274	274	Dương Thị Anh		02/9/1989	Nhơn Phúc - TX. An Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế xã Phước Thạnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	87,0		87,0	
275	275	Hồ Thị Ánh		30/8/1988	Phước Hòa - Tuy Phước - Bình Định		Trạm Y tế xã Phước Hiệp thuộc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	88,5		88,5	
276	276	Nguyễn Lê Ngọc Ánh		17/6/1993	Vĩnh Thịnh - Vĩnh Thanh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thanh	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	80,0		80,0	
277	277	Trần Thị Ngọc Ánh		05/11/1991	Ân Tín - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	89,0		89,0	
278	278	Nguyễn Kê Ba	17/6/1997		Cát Tường - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	88,0		88,0	

Handwritten signatures and marks at the bottom right of the page.

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghệ vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
279	279	Lê Thị Bích		20/6/1998	Mỹ Chánh Tây - Phú Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng									Không nhận thẻ dự thi	
280	280	Nguyễn Thị Bích		02/3/1996	Mỹ Lộc - Phú Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	95,0		95,0	
281	281	Nguyễn Xuân Bồng	10/4/1993		Nhon Hậu - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng									Không nhận thẻ dự thi	
282	282	Hồ Thị Mỹ Chi		29/01/1995	Mỹ Châu - Phú Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	96,5		96,5	
283	283	Lê Thị Chi		14/5/1993	An Hòa - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	87,0		87,0	
284	284	Nguyễn Thị Kim Chi		04/02/1993	Vĩnh Hảo - Vĩnh Thạnh - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	99,5		99,5	
285	285	Phạm Mỹ Chi		18/02/1999	Bình Hòa - Tây Sơn - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	70,5		70,5	
286	286	Hồ Thị Thanh Chung		01/8/1993	P. Nhơn Bình - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	100,0		100,0	
287	287	Huỳnh Thị Chung		10/5/1994	Nhon Mỹ - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	100,0		100,0	
288	288	Tổng Thị Có		11/4/1994	Nhon Phúc - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	76,0		76,0	
289	289	Phạm Thị Trúc Đào		30/5/2000	Canh Vinh - Vân Canh - Bình Định		Trạm Y tế xã Phước Thành thuộc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	68,0		68,0	
290	290	Lê Thị Diễm		26/6/1992	Phước Sơn - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	79,5		79,5	
291	291	Lê Thị Diễm		15/12/1997	Tây Vinh - Tây Sơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	79,5		79,5	
292	292	Lê Thị Thúy Diễm		30/4/2000	P. Bồng Sơn - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	85,0		85,0	
293	293	Trần Thị Diễm		19/5/1998	Nhon Hạnh - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng									Không nhận thẻ dự thi	
294	294	Lê Thị Xuân Diệp		06/01/1992	P. Ngô Mây - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	82,5		82,5	
295	295	Nguyễn Thị Diệp		06/8/1997	Mỹ Tài - Phú Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	97,5		97,5	
296	296	Hà Thị Mỹ Diệu		02/8/1993	Nhon Mỹ - TX. An Nhơn - Bình Định	Con bệnh binh	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	100,0	5,0	105,0	
297	297	Nguyễn Thị Kim Diệu		20/12/1999	P. Nhơn Hòa - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	99,0		99,0	
298	298	Trần Thị Thu Diệu		20/12/1998	P. Quang Trung - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	99,0		99,0	

Handwritten signatures and marks.

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghề vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
299	299	Lê Anh Đức	29/7/1996		Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định	Người hoàn thành nghĩa vụ tham gia công an nhân dân	Bệnh viện Tâm thần	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
300	300	Nguyễn Thị Dung		06/10/1996	Cát Nhơn - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	90,0		90,0	
301	301	Lê Thị Mỹ Duyên		02/10/1996	Canh Vinh - Văn Canh - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
302	302	Nguyễn Thị Hồng Duyên		06/9/1992	P. Nhơn Hòa - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	100,0		100,0	
303	303	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		08/4/1990	35 Đặng Thành Chơn - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	96,0		96,0	
304	304	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		28/9/1994	Phước Thuận - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	99,5		99,5	
305	305	Trần Thị Hạnh Duyên		05/3/1998	Cát Sơn - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
306	306	Trần Thị Mỹ Duyên		10/11/1996	P. Trần Quang Diệu - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Bỏ thi
307	307	Võ Hồng Duyên		20/6/1994	Cát Hưng - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
308	308	Võ Thị Bích Duyên		02/6/1994	Mỹ Hiệp - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
309	309	Võ Thị Mỹ Duyên		01/01/2000	P. Hoài Thanh Tây - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
310	310	Đặng Ngân Giang		01/8/2000	Canh Vinh - Văn Canh - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	70,0		70,0	
311	311	Hà Thị Trà Giang		10/12/1996	Mỹ Phong - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
312	312	Lê Ngọc Hà		01/11/1996	Bình Nghi - Tây Sơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
313	313	Bùi Thị Hạ		02/8/1990	Nhơn Lộc - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	100,0		100,0	
314	314	Trần Thị Hải		19/3/1990	Nhơn An - TX. An Nhơn - Bình Định	Con thương binh	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	93,5	5,0	98,5	
315	315	Mạn Mỹ Hân		20/9/2000	T.T. Tuy Phước - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	99,5		99,5	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghệ vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
							Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
316	316	Nguyễn Hiếu Hân	25/12/1995		TT. Diêu Trì - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	99,5		99,5	
317	317	Nguyễn Thị Ngọc Hân		08/6/2000	P. Quang Trung - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	97,5		97,5	
318	318	Lê Thị Lệ Hằng		20/10/1994	Nhơn Phong - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	99,0		99,0	
319	319	Nguyễn Thị Hằng		15/02/1996	Nhơn Mỹ - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	97,0		97,0	
320	320	Nguyễn Thị Mỹ Hằng		09/10/1995	P. Thị Nai - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	84,0		84,0	
321	321	Nguyễn Thị Thủy Hằng		06/01/1993	P. Bùi Thị Xuân - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	84,0		84,0	
322	322	Phan Thị Lệ Hằng		20/02/1995	Nhơn Tân - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	99,0		99,0	
323	323	Lê Thị Hạnh		20/7/1996	P. Nhơn Bình - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	86,5		86,5	
324	324	Lê Văn Hào	03/8/1992		Phước Hòa - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	98,5		98,5	
325	325	Nguyễn Thị Hào		10/9/1991	P. Nhơn Hưng - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	100,0		100,0	
326	326	Lê Thị Hào		10/11/1992	Nhơn Hâu - TX. An Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	98,5		98,5	
327	327	Lê Thành Hậu	15/5/1997		Nhơn Mỹ - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
328	328	Cao Thị Mỹ Hiếu		18/10/1997	P. Tam Quan - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	97,5		97,5	
329	329	Trần Thị Hiếu		10/3/1992	Nhơn An - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	88,5		88,5	
330	330	Trần Y Hiếu		23/3/1995	Cát Hải - Phù Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Phước Quang thuộc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
331	331	Nguyễn Thị Tuyết Hoa		22/02/1992	Phước Thuận - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	66,0		66,0	
332	332	Phạm Thị Hoa		05/4/1993	Mỹ Hiệp - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
333	333	Trương Thị Lệ Hoa		09/8/1993	Bình Nghi - Tây Sơn - Bình Định		Trạm Y tế xã Mỹ An thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
334	334	Nguyễn Mai Hồng		05/9/1998	TT. Vân Canh - Vân Canh - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	5,0		5,0	

Handwritten signature and initials

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghề nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiền	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
335	335	Nguyễn Thị Cẩm Hồng		24/4/1998	P. Đập Đá - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng									Không nhận thẻ dự thi	
336	336	Trần Thị Tuyết Hồng		14/7/1991	Nhon Phong - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	95,0		95,0	
337	337	Phạm Thị Hòa Hợp		16/02/1994	TT. Tăng Bạt Hổ - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	98,0		98,0	
338	338	Nguyễn Thị Linh Huệ		22/9/1996	An Hòa - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	86,5		86,5	
339	339	Trương Thị Hồng Huệ		26/02/1996	Phước Sơn - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
340	340	Ngô Thị Hương		20/8/1994	TT. Ngô Mỹ - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Bỏ thi
341	341	Nguyễn Thị Thu Hương		21/01/1996	P. Trần Quang Diệu - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	72,0		72,0	
342	342	Trần Thị Hương		29/3/1993	Mỹ Lợi - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	91,0		91,0	
343	343	Nguyễn Thị Hằng Huyền		01/10/2000	Mỹ Tho - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	94,0		94,0	
344	344	Lê Thị Ngọc Huyền		10/8/1995	Phước Thuận - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	98,0		98,0	
345	345	Nguyễn Thị Minh Huyền		17/8/1993	708 Võ Nguyên Giáp - TX. An Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế phường Nhơn Hòa thuộc Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
346	346	Nguyễn Thị Mỹ Huyền		17/02/2000	Canh Vinh - Văn Canh - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	90,0		90,0	
347	347	Võ Thị Bích Kha		20/5/1994	TT. Ngô Mỹ - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	78,0		78,0	
348	348	Nguyễn Thị Khiêm		22/12/1995	Xuân Cảnh - TX. Sông Cầu - Phú Yên		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
349	349	Đặng Hồng Kiều		07/10/1992	Nhon Phước - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	95,0		95,0	
350	350	Đặng Thị Lai		17/12/1998	P. Bình Định - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	96,0		96,0	
351	351	Hồ Trường Lâm	05/4/1991		P. Bình Định - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	90,0		90,0	
352	352	Phạm Thị Lan		19/6/1999	Mỹ Thắng - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghề vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
							Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
353	353	Lê Thị Bích Lê		04/8/1994	P. Nguyễn Văn Cừ - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng									Không nhận thẻ dự thi	
354	354	Nguyễn Thị Mỹ Lê		10/11/1995	P.Hoài Tân - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi		Miễn thi	89,0		89,0		
355	355	Lê Thị Kim Liên		07/6/1993	Nhơn Tân - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi		Miễn thi	88,0		88,0		
356	356	Nguyễn Thị Bích Liên		08/8/1991	TT. An Lão - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi		Miễn thi	80,5		80,5		
357	357	Huỳnh Bảo Linh		23/12/1996	Phước Quang - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi		Miễn thi	98,0		98,0		
358	358	Huỳnh Vũ Hoàng Linh	10/12/1993		Hoài Mỹ - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi		Miễn thi	89,0		89,0		
359	359	Mai Thị Yến Linh		06/6/1996	An Tường Tây - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi		Miễn thi	84,0		84,0		
360	360	Nguyễn Thị Thủy Linh		23/4/1998	An Nghĩa - Hoài Ân - Bình Định	Con thương binh	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi		Miễn thi	51,0	5,0	56,0		
361	361	Phan Kiều Linh		20/12/1999	Bình Thành - Tây Sơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi		Miễn thi	89,0		89,0		
362	362	Ngô Thị Bích Loan		20/11/1994	Phước Sơn - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi		Miễn thi	88,5		88,5		
363	363	Nguyễn Thị Kim Loan		12/5/1994	P. Lê Lợi - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng									Không nhận thẻ dự thi	
364	364	Trần Thị Loan		10/10/1994	An Hòa - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi		Miễn thi	97,5		97,5		
365	365	Ngô Thị Bích Lợi		28/02/1998	Vĩnh Thịnh - Vĩnh Thanh- Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi		Miễn thi	99,5		99,5		
366	366	Võ Thị Long		01/6/1991	Cát Tân - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Cao đẳng ngành Điều dưỡng									Không nhận thẻ dự thi	
367	367	Lê Thị Lự		11/7/1993	P. Tam Quan Nam - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi		Miễn thi	88,0		88,0		
368	368	Nguyễn Thúy Lự		23/7/1995	P. Bình Định - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi		Miễn thi	52,0		52,0		
369	369	Nguyễn Thị Lữ		21/8/1998	An Hòa - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi		Miễn thi	78,0		78,0		
370	370	Nguyễn Văn Luyện	04/01/1995		Cát Lâm - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Cao đẳng ngành Điều dưỡng									Không nhận thẻ dự thi	
371	371	Nguyễn Thị Ly		10/02/1994	Mỹ Cát - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi		Miễn thi	55,0		55,0		

Handwritten signatures and marks.

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghịệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
372	372	Nguyễn Thị Kim Ly		05/3/1993	Ấn Tường Đông - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	88,0		88,0	
373	373	Nguyễn Thị Trúc Ly		12/11/1999	Cát Tân - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	68,0		68,0	
374	374	Võ Thị Cẩm Ly		27/01/1996	Cát Hanh - Phù Cát - Bình Định		Trạm Y tế phường Nhơn Phủ thuộc Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	63,0		63,0	
375	375	Huỳnh Thị Hải Lý		02/02/1991	P. Bình Định - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	90,0		90,0	
376	376	Đào Thị Hồng Mến		12/02/1992	TT. Tăng Bạt Hổ - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	72,0		72,0	
377	377	Nguyễn Trà My		01/8/1998	Cát Khánh - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	50,0		50,0	
378	378	Nguyễn Thị Quỳnh Mỹ		10/11/1993	Cát Sơn - Phù Cát - Bình Định		Tram Y tế xã Cát Trinh thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	80,0		80,0	
379	379	Đặng Thị Thanh Nga		01/11/1983	Phước Sơn - Tuy Phước - Bình Định		Trạm Y tế xã Phước Hiệp thuộc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	77,0		77,0	
380	380	Huỳnh Thị Nga		07/9/1989	Hoài Châu - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	71,0		71,0	
381	381	Huỳnh Thị Thủy Ngân		10/11/1998	P. Nhơn Phú - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	21,0		21,0	
382	382	Phạm Thị Kim Ngân		08/3/1999	Tây Vinh - Tây Sơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	62,0		62,0	
383	383	Đặng Thị Hồng Ngọc		19/8/2000	Phước Sơn - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	97,0		97,0	
384	384	Nguyễn Thị Kim Ngọc		03/6/1999	Hoài Châu Bắc - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	26,0		26,0	
385	385	Phạm Thị Minh Ngọc		02/02/2000	Cát Minh - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Bỏ thi
386	386	Lê Thị Thảo Nguyên		02/02/1997	P. Trần Hưng Đạo - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế phường Đống Đa thuộc Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	81,0		81,0	
387	387	Võ Thị Nguyên		03/9/2000	Cát Tài - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	52,0		52,0	
388	388	Từ Thị Nguyên		10/12/1998	Phước Sơn - Tuy Phước - Bình Định	Con thương binh	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
389	389	Trần Thị Nguyệt		20/9/1995	Vĩnh Hiệp - Vĩnh Thanh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	89,0		89,0	

Handwritten signatures and marks.

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghệ vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
							Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
390	390	Ngô Thị Hồng Nhã		12/10/1993	An Hòa - An Lão - Bình Định	Con thương binh	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng									Không nhận thẻ dự thi	
391	391	Phan Thị Kim Nhân		15/6/1992	TT. Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thạnh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	98,0		98,0	
392	392	Trần Thị Mỹ Nhân		02/02/1993	Ấn Phong - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	82,0		82,0	
393	393	Huỳnh Thị Bích Nhan		20/6/1995	Ấn Thạnh - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	98,0		98,0	
394	394	Trần Thị Thu Nạn		10/02/1988	TT. An Lão - An Lão - Bình Định		Trạm Y tế xã An Vĩnh thuộc Trung tâm Y tế huyện An Lão	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	98,0		98,0	
395	395	Đào Thị Nhanh		25/5/1993	Ấn Thạnh - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	93,0		93,0	
396	396	Ngô Nữ Nhất		10/11/1994	Phước Thành - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	100,0		100,0	
397	397	Lê Thị Hoài Nhi		24/3/1996	TT. Nhơn Hòa - Chư Pưh - Gia Lai		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
398	398	Nguyễn Thị Nhi		22/7/1992	P. Ghềnh Ráng - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	98,0		98,0	
399	399	Nguyễn Thị Ý Nhi		08/12/1993	Phước Nghĩa - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
400	400	Võ Thị Thu Nhi		29/6/2000	P. Bùi Thị Xuân - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
401	401	Nguyễn Thị Hồng Nhi		17/8/1997	Phước Quang - Tuy Phước - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	82,0		82,0	
402	402	Nguyễn Thị Nhiều		10/5/1994	Vĩnh Hiệp - Vĩnh Thạnh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	99,0		99,0	
403	403	Đào Thị Thanh Như		29/11/1999	Ấn Đức - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	89,0		89,0	
404	404	Nguyễn Thị Quỳnh Như		08/8/2000	Mỹ Thắng - Phù Mỹ - Bình Định		Trạm Y tế xã Mỹ An thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	96,0		96,0	
405	405	Huỳnh Thị Cẩm Nhung		22/02/1996	P. Nhơn Bình - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
406	406	Nguyễn Thị Hồng Nhung		09/10/1995	P. Ngô Mây - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	100,0		100,0	
407	407	Nguyễn Thị Thanh Nhung		07/12/1999	Phước Thành - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi

Handwritten signatures and marks.

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghịệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
408	408	Ngô Thị Nờ		22/7/2000	Cát Minh - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	80,0		80,0	
409	409	Nguyễn Thị Nữ		02/9/1994	Kim Châu - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	95,0		95,0	
410	410	Trương Thị Tổ Nữ		20/10/1991	P. Đập Đá - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	99,0		99,0	
411	411	Nguyễn Thị Như Nương		02/02/1994	TT. Tăng Bat Hồ - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	62,0		62,0	
412	412	Nguyễn Thị Hồng Ny		18/02/1993	P. Nhơn Hưng - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	93,0		93,0	
413	413	Đỗ Thị Oanh		10/9/1994	Mỹ Cát - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	91,0		91,0	
414	414	Trần Bích Phận		20/3/1992	P. Bình Định - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	100,0		100,0	
415	415	Đỗ Hoàng Phúc	10/5/1992		P. Bình Định - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	88,0		88,0	
416	416	Nguyễn Thị Phước		10/10/1987	P. Bình Định - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	90,0		90,0	
417	417	Võ Thị Thu Phương		25/8/2000	An Hòa - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	3,5		3,5	
418	418	Lê Thị Phương		01/12/1994	Phước Thành - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	62,5		62,5	
419	419	Lê Thị Phương		15/5/1994	Mỹ Trinh - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	70,5		70,5	
420	420	Trần Như Phương		30/8/2000	Phước Nghĩa - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	87,0		87,0	
421	421	Nguyễn Đình Quanh	01/12/1997		P. Đồng Đa - TP. Quy Nhơn - Bình Định	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	56,0	2,5	58,5	
422	422	Nguyễn Thị Quế		04/5/1993	Ân Mỹ - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	86,0		86,0	
423	423	Bùi Ngọc Quý	19/9/1991		P. Nhơn Hưng - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	66,0		66,0	
424	424	Võ Thị Ngọc Qui		09/11/1996	Mỹ Đức - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	46,0		46,0	
425	425	Huỳnh Thị Lệ Quyền		19/5/1992	Mỹ Châu - Phù Mỹ - Bình Định	- Con của người được hưởng chính sách như thương binh; - Con đẻ của	Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	72,5	5,0	77,5	
426	426	Trần Mỹ Quỳnh		04/11/2000	P. An Phú - TX. An Khê - Gia Lai		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	50,0		50,0	
427	427	Nguyễn Thị Sa		03/7/1993	P. Tam Quan Bắc - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	50,0		50,0	

Handwritten signatures and marks at the bottom right of the page.

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
							Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
428	428	Lê Thúy Sang		12/01/1994	Vĩnh Hào - Vĩnh Thạnh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
429	429	Lê Thị Sen		19/10/1995	Mỹ Lộc - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	59,0		59,0	
430	430	Nguyễn Thị Sen		08/3/1997	Cát Tài - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	80,5		80,5	
431	431	Nguyễn Thị Sương		10/12/1993	Phước Hiệp - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	99,0		99,0	
432	432	Nguyễn Thị Phương Tây		05/3/1994	Canh Vinh - Vân Canh - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	77,0		77,0	
433	433	Hà Thị Hồng Thắm		15/01/1995	Nhon Phong - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
434	434	Võ Thị Hồng Thắm		03/6/1997	Nhon Thọ - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
435	435	Lê Thị Hoài Thân		11/01/1993	P. Nguyễn Văn Cừ - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	99,0		99,0	
436	436	Phạm Thị Ngọc Thân		19/7/1992	TT. Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thạnh - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	76,5		76,5	
437	437	Võ Thị Phương Thanh		12/9/1998	Nhon Châu - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	92,0		92,0	
438	438	Tạ Hữu Thành	07/8/2000		Tây Giang - Tây Sơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	69,5		69,5	
439	439	Đinh Thị Thảo		26/6/1996	Vĩnh Kim - Vĩnh Thạnh - Bình Định	Dân tộc Ba Na	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	59,5	5,0	64,5	
440	440	Nguyễn Thị Thanh Thảo		17/6/1994	Canh Vinh - Vân Canh - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
441	441	Nguyễn Thị Thanh Thảo		06/5/1994	Nhon Khánh - TX. An Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế xã Nhơn Hậu thuộc Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
442	442	Nguyễn Thị Thu Thảo		05/4/1996	Mỹ Phong - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	13,0		13,0	
443	443	Nguyễn Thị Thu Thảo		28/01/2000	Cát Hanh - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	55,0		55,0	
444	444	Nguyễn Thị Thu Thảo		20/10/1995	An Hòa - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	92,5		92,5	
445	445	Phạm Thị Thanh Thảo		10/8/1999	Bình Thành - Tây Sơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	28,5		28,5	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghịệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
446	446	Tô Thị Thanh Thảo		10/02/1994	P. Nhơn Hưng - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
447	447	Nguyễn Thị Thê		14/6/1991	P. Tam Quan - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	29,0		29,0	
448	448	Nguyễn Hoàng Thi	11/01/1995		Phước An - Tuy Phước - Bình Định		Trạm Y tế xã Phước Thành thuộc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	70,5		70,5	
449	449	Nguyễn Thị Ngọc Thi		01/8/1998	Cát Tiến - Phù Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Trinh thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	22,0		22,0	
450	450	Võ Thị Hồng Thi		10/5/1993	Mỹ Lộc - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	82,0		82,0	
451	451	Trần Thị Ngọc Thiện		08/7/1993	808/15/7/18 Trần Hưng Đạo - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	71,5		71,5	
452	452	Nguyễn Thị Thiết		20/12/1986	P. Tam Quan Bắc - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
453	453	Đỗ Ngọc Thịnh	30/7/1995		P. Đập Đá - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	64,0		64,0	
454	454	Dương Thị Thanh Thơ		02/4/1994	P. Lý Thường Kiệt - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	87,0		87,0	
455	455	Huỳnh Thị Mỹ Thoa		25/12/1996	Tây Xuân - Tây Sơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
456	456	Nguyễn Thị Mỹ Thoa		10/10/1995	Phước Thành - Tuy Phước - Bình Định		Trạm Y tế xã Phước Thành thuộc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	95,5		95,5	
457	457	Nguyễn Thu Thoa		24/11/1997	Phước An - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
458	458	Trần Thị Kim Thoa		05/6/1995	P. Ngô Mây - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
459	459	Võ Minh Thoa		26/12/1998	TT. Phù Mỹ - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
460	460	Nguyễn Thị Lệ Thu		12/8/2000	Mỹ Cát - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	18,0		18,0	
461	461	Phan Thị Thanh Thu		17/7/1992	Phước Sơn - Tuy Phước - Bình Định		Trạm Y tế phường Nhơn Phủ thuộc Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	32,5		32,5	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển			Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2								
							Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả						
462	462	Nguyễn Anh Thư		14/10/1998	Nhon Hạnh - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	27,5		27,5	
463	463	Nguyễn Đình Thư	01/01/1996		P. Đồng Đa - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	89,0		89,0	
464	464	Nguyễn Trần Anh Thư		11/02/1997	152/11 Hoàng Văn Thụ - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	93,0		93,0	
465	465	Phan Hà Ánh Thư		18/4/1999	Phước Sơn - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
466	466	Phan Thị Quyền Thư		15/02/1999	P. Hoài Tân - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	88,0		88,0	
467	467	Huỳnh Thị Thuân		01/11/1991	P. Tam Quan Bắc - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Bỏ thi
468	468	Nguyễn Thị Hoài Thương		29/10/1988	P. Đập Đá - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	89,0		89,0	
469	469	Nguyễn Thị Thanh Thương		08/12/1998	Nhon Hạnh - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	89,0		89,0	
470	470	Phạm Nguyễn Thị Thanh Thúy		11/3/1995	Phước An - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
471	471	Đặng Thị Thúy		04/11/1992	P. Quang Trung - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	98,0		98,0	
472	472	Huỳnh Thị Ngọc Thúy		12/02/1998	Nhon Phong - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	89,0		89,0	
473	473	Lâm Thị Thu Thúy		18/8/1993	Hoài Châu Bắc - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	100,0		100,0	
474	474	Nguyễn Thị Ngọc Thúy		22/12/1993	Nhon An - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	85,0		85,0	
475	475	Nguyễn Thị Thanh Thúy		05/4/1996	P. Bồng Sơn - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	99,5		99,5	
476	476	Phạm Thị Thúy		04/11/1995	Cát Tường - Phù Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Trinh thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	98,5		98,5	
477	477	Đỗ Thị Lệ Thủy		07/5/1994	Ấa Hứ - Chư Puh - Gia Lai		Bệnh viện Tâm thần	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	100,0		100,0	
478	478	Dương Thị Lệ Thủy		15/12/1996	Mỹ Lộc - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
479	479	Hoàng Thị Thủy		27/5/1992	P. Lê Lợi - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
480	480	Lê Thị Hồng Thủy		02/02/1997	Phước Thuận - Tuy Phước - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	87,0		87,0	

Handwritten signatures and marks.

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghệ vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
481	481	Nguyễn Thị Thu Thủy		02/8/1994	Bình Thành - Tây Sơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng									Không nhận thẻ dự thi	
482	482	Nguyễn Thị Thu Thủy		10/10/1991	P. Ngô Mây - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế phường Trần Phủ thuộc Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	95,0		95,0	
483	483	Trần Thị Thanh Thủy		31/01/1990	Nhơn Hậu - TX. An Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế xã Nhơn Hậu thuộc Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	99,0		99,0	
484	484	Châu Hoàng Mộng Tiên		19/12/1997	Canh Thuận - Văn Canh - Bình Định	Dân tộc Ba Na	Bệnh viện Tâm thần	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	96,0	5,0	101,0	
485	485	Nguyễn Thủy Tiên		26/6/1997	Canh Vinh - Văn Canh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	66,0		66,0	
486	486	Huỳnh Thị Lê Tiên		04/3/1994	P. Trần Quang Diệu - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế phường Nhơn Phủ thuộc Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng									Không nhận thẻ dự thi	
487	487	Nguyễn Thị Kim Tiêng		28/01/1991	P. Hoài Hảo - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	72,5		72,5	
488	488	Trần Xuân Tín	12/7/1991		Hoài Châu Bắc - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	78,0		78,0	
489	489	Võ Trung Tín	11/10/1999		TT. Phù Mỹ - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	97,0		97,0	
490	490	Đặng Tấn Toàn	02/4/1994		P. Quang Trung - TP. Quy Nhơn - Bình Định	Con thương binh	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	65,0	5,0	70,0	
491	491	Nguyễn Thái Toàn	09/5/1994		Nhơn Phong - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	74,0		74,0	
492	492	Bùi Thị Trâm		09/10/1994	P. Tam Quan Nam - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	95,5		95,5	
493	493	Nguyễn Thị Bích Trâm		08/11/1994	P.Nhơn Hòa - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	99,5		99,5	
494	494	Võ Hoài Trâm		22/4/1998	Phước An - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	95,5		95,5	
495	495	Hà Thị Thủy Trang		20/10/1993	P. Hoài Đức - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	88,0		88,0	
496	496	Nguyễn Thị Huỳnh Trang		20/10/1995	Hoài Mỹ - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	90,0		90,0	
497	497	Nguyễn Thị Thu Trang		04/8/1992	Cát Thành - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	98,5		98,5	
498	498	Trần Thị Mỹ Trang		22/4/1994	P. Ngô Mây - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế phường Trần Phủ thuộc Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng									Không nhận thẻ dự thi	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghề vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
499	499	Trần Văn Trí	08/7/1999		P. Hoài Thanh - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	99,5		99,5	
500	500	Lê Thị Thùy Trinh		01/5/1992	Nhơn Phúc - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	100,0		100,0	
501	501	Nguyễn Phùng Trung Trinh		06/01/1991	P. Bùi Thị Xuân - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	99,0		99,0	
502	502	Nguyễn Tăng Thị Tiết Trinh		04/02/1995	Cát Minh - Phù Cát - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
503	503	Nguyễn Thị Tú Trinh		20/02/1994	Phước Thuận - Tuy Phước - Bình Định		Trạm Y tế thị trấn Điều Tri thuộc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	99,5		99,5	
504	504	Trần Thị Mỹ Trinh		02/9/1985	Phước Quang - Tuy Phước - Bình Định		Trạm Y tế xã Phước Quang thuộc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	99,0		99,0	
505	505	Bùi Thị Nguyệt Trúc		21/02/1997	Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	84,0		84,0	
506	506	Phạm Thị Mỹ Trúc		12/6/1997	Phước Quang - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	95,0		95,0	
507	507	Hồ Anh Tuấn	02/9/1999		Phước Thuận - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	83,0		83,0	
508	508	Nguyễn Thị Tường		12/7/1991	An Tân - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	99,0		99,0	
509	509	Nguyễn Huỳnh Tuyền		26/7/1996	Phước Thành - Tuy Phước - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
510	510	Nguyễn Thị Thanh Tuyền		11/8/1997	Hòa Tân Đông - TX. Đông Hòa - Phú Yên		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
511	511	Lê Thị Ngọc Tuyết		27/7/1999	Mỹ An - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi
512	512	Lê Thị Thu Uyên		03/11/1994	Hoài Châu - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	62,5		62,5	
513	513	Nguyễn Thị Tú Uyên		06/12/1997	Canh Hiền - Văn Canh - Bình Định		Bệnh viện Tâm thần	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	72,0		72,0	
514	514	Nguyễn Thị Bích Vân		22/4/1993	Hoài Châu - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	56,0		56,0	
515	515	Trương Thị Thanh Vân		12/12/1992	P. Ngô Mỹ - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	74,0		74,0	
516	516	Nguyễn Đoàn Thanh Vân	14/01/1997		An Tường Tây - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	75,0		75,0	
517	517	Lê Thị Hải Vi		08/02/1990	P. Nhơn Bình - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	76,0		76,0	

Handwritten signatures and marks.

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghịệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
518	518	Nguyễn Thị Hiền Vi		29/9/1993	Phước Hiệp - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	71,0		71,0	
519	519	Nguyễn Thị Thuý Vi		20/9/1997	Nhon Phong - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	14,0		14,0	
520	520	Phạm Thị Tý Vi		12/5/1990	An Trung - Kong Chro - Gia Lai	Con thương binh	Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	34,0	5,0	34,0	Điểm thi dưới 50 điểm không cộng điểm ưu tiên
521	521	Võ Thị Trúc Vi		20/8/1997	Mỹ Hiệp - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	70,0		70,0	
522	522	Đinh Thị Viên		15/3/1997	An Dũng - An Lão - Bình Định	Dân tộc H'rê	Trung tâm Y tế huyện An Lão	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	17,0	5,0	17,0	Điểm thi dưới 50 điểm không cộng điểm ưu tiên
523	523	Lê Thị Diễm Viên		02/01/1996	TT. Điều Trị - Tuy Phước - Bình Định		Trạm Y tế xã Phước Thành thuộc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	99,0		99,0	
524	524	Lê Đức Việt	17/5/1995		P. Tam Quan - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	98,5		98,5	
525	525	Nguyễn Hoàng Vũ	12/6/1995		TT. Điều Trị - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	91,5		91,5	
526	526	Võ Văn Vũ	26/7/1999		Mỹ Hiệp - Phù Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	75,0		75,0	
527	527	Nguyễn Thị Thu Vương		02/8/1992	An Hòa - An Lão - Bình Định		Trạm Y tế xã An Vinh thuộc Trung tâm Y tế huyện An Lão	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	76,5		76,5	
528	528	Nguyễn Thị Hoài Vy		28/5/1994	P. Đập Đá - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	96,0		96,0	
529	529	Nguyễn Thị Thanh Xuân		22/12/1996	Cát Hanh - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	66,5		66,5	
530	530	Nguyễn Thị Thanh Yên		18/8/1989	Phước Thuận - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	96,0		96,0	
531	531	Đỗ Thị Yên		07/8/1996	Phước Thành - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	96,5		96,5	
532	532	Phan Thị Kim Yên		20/9/1987	P. Lê Hồng Phong - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Điều dưỡng			Miễn thi			Miễn thi	46,5		46,5	
533	533	Siu H' Yim		05/3/1993	TT. Nhơn Hòa - Chư Puh Gia Lai	Dân tộc Ja Rai	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Điều dưỡng										Không nhận thẻ dự thi

LDD *uuu*

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghề nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
							Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
			Nam	Nữ														
534	534	Đinh Thị Cam		01/10/2001	Bók Tới - Hoài Ân - Bình Định	Dân tộc Ba Na	Trạm Y tế xã Ân Tường Tây thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	78,5	5,0	83,5	
535	535	Nguyễn Thị Kim Chung		29/01/1999	Cát Tài - Phù Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Mỹ An thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	100,0		100,0	
536	536	Phạm Thị Đào		23/8/1997	An Hòa - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	92,0		92,0	
537	537	Võ Thị Hoàng Diệu		06/9/1994	P. Nhơn Phú - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	99,0		99,0	
538	538	Đinh Thị Mỹ Duyệt		18/11/1999	Vĩnh Sơn - Vĩnh Thạnh - Bình Định	Dân tộc Ba Na	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	63,0	5,0	68,0	
539	539	Nguyễn Thị Duyên		20/10/1988	Cát Khánh - Phù Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Minh thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	95,0		95,0	
540	540	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		14/6/1999	Ân Tường Đông - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	98,5		98,5	
541	541	Trần Mỹ Duyên		01/7/1996	TT. Vân Canh - Vân Canh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Cao đẳng ngành Dược										Không nhận thẻ dự thi
542	542	Phạm Thị Em		05/10/1980	Cát Minh - Phù Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Minh thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	80,0		80,0	
543	543	Đào Thị Bích Hà		28/7/1981	Phước An - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	97,0		97,0	
544	544	Trần Thị Thu Hà		20/6/1990	Mỹ Trinh - Phù Mỹ - Bình Định		Trạm Y tế thị trấn Phù Mỹ thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Dược										Không nhận thẻ dự thi
545	545	Lê Thu Hằng		02/10/1988	Nhơn Mỹ - TX. An Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế xã Nhơn Khánh thuộc Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Dược										Không nhận thẻ dự thi
546	546	Đặng Thị Hiền		14/12/1998	P. Đồng Đa - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Dược										Không nhận thẻ dự thi
547	547	Lê Thị Lệ Hiền		27/4/1998	Nhơn Phúc - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	89,0		89,0	
548	548	Nguyễn Thị Xuân Hiếu		30/6/1989	Sơn Lâm - Khánh Sơn - Khánh Hòa		Trạm Y tế thị trấn Phù Mỹ thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Dược										Không nhận thẻ dự thi
549	549	Đoàn Thị Hợi		14/3/1995	TT. Vân Canh - Vân Canh - Bình Định	Dân tộc Chăm	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	65,0	5,0	70,0	
550	550	Đặng Thị Kim Huệ		22/8/1997	Ân Phong - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	60,0		60,0	

Handwritten signatures and marks.

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghề nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú	
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2							
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả					
551	551	Huỳnh Thị Huệ		01/7/1974	477/103 Nguyễn Thái Học - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Dược				Miễn thi			Miễn thi	76,0		76,0	
552	552	Đoàn Thị Mỹ Hương		26/3/1988	P. Lê Hồng Phong - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Dược											Không nhận thẻ dự thi
553	553	Nguyễn Thị Hương		04/01/1996	Mỹ Hiệp - Phù Mỹ - Bình Định	Con thương binh	Trạm Y tế thị trấn Phù Mỹ thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Dược											Không nhận thẻ dự thi
554	554	Nguyễn Thị Út Huyền		10/11/1998	P. Ghềnh Ráng - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Dược											Không nhận thẻ dự thi
555	555	Trần Thị Thúy Kiều		14/11/1994	Nhơn Lộc - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Dược				Miễn thi			Miễn thi	98,0		98,0	
556	556	Võ Thị Lan		02/7/1999	Mỹ Hiệp - Phù Mỹ - Bình Định		Trạm Y tế thị trấn Phù Mỹ thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Dược											Không nhận thẻ dự thi
557	557	Nguyễn Thị Thảo Linh		17/11/1997	Cát Trinch - Phù Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Lâm thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Cao đẳng ngành Dược				Miễn thi			Miễn thi	97,0		97,0	
558	558	Huỳnh Thị Ái Mỹ Ly Ly		28/5/1990	Nhơn Mỹ - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Dược											Không nhận thẻ dự thi
559	559	Hồ Nguyễn Huyền My		18/4/2000	Ấn Phong - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Dược				Miễn thi			Miễn thi	96,0		96,0	
560	560	Huỳnh Kiều My		21/10/1996	P. Hoài Thanh Tây - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Dược											Không nhận thẻ dự thi
561	561	Trần Thị Trà My		04/5/1997	Ấn Mỹ - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Dược				Miễn thi			Miễn thi	100,0		100,0	
562	562	Nguyễn Thị Hồng Na		16/10/1995	Mỹ Hiệp - Phù Mỹ - Bình Định		Trạm Y tế thị trấn Phù Mỹ thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Dược				Miễn thi			Miễn thi	99,0		99,0	
563	563	Nguyễn Thị Nghiệp		21/5/1992	Cát Trinch - Phù Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Trinch thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Cao đẳng ngành Dược				Miễn thi			Miễn thi	89,0		89,0	
564	564	Võ Thị Nguyệt		09/6/1997	Ấn Thanh - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Dược				Miễn thi			Miễn thi	100,0		100,0	
565	565	Hoàng Thanh Nhã		06/9/1996	Tây Xuân - Tây Sơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Dược				Miễn thi			Miễn thi	96,5		96,5	
566	566	Hồ Thị Yến Nhi		06/9/1994	P. Bồng Sơn - TX Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Dược				Miễn thi			Miễn thi	89,5		89,5	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghệ thuật vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
							Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
			Nam	Nữ														
567	567	Lê Thị Hồng Nhi		26/4/1994	Cát Hanh - Phú Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Lâm thuộc Trung tâm Y tế huyện Phú Cát	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	100,0		100,0	
568	568	Phạm Thị Yến Nhi		06/7/1998	P. Hoài Tân - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Dược										Không nhận thẻ dự thi
569	569	Trần Thị Uyên Nhi		10/11/1983	P. Nhơn Thành - TX. An Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế phường Đập Đá thuộc Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	88,0		88,0	
570	570	Võ Thị Nhiệm		26/9/1988	P. Ngô Mây - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Dược										Không nhận thẻ dự thi
571	571	Lê Thị Cẩm Nhung		28/10/1987	TT. Diêu Trì - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	87,0		87,0	
572	572	Bùi Thị Niệm		13/5/1997	Phước Hiệp - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Dược										Không nhận thẻ dự thi
573	573	Võ Thị Nữ		05/5/1997	Phước Thuận - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	82,5		82,5	
574	574	Đặng Thị Lệ Quyên		22/3/1996	Cát Sơn - Phú Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Lâm thuộc Trung tâm Y tế huyện Phú Cát	Cao đẳng ngành Dược										Không nhận thẻ dự thi
575	575	Phan Thúy Quyên		15/3/1998	Ân Phong - Hoài Ân - Bình Định		Trạm Y tế xã Ân Tường Tây thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Dược										Không nhận thẻ dự thi
576	576	Đoàn Lê Phi Sơn	29/11/1995		Nhơn Tân - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Dược										Bỏ thi
577	577	Đặng Ngọc Tân	05/11/1999		P. Hoài Hương- TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Dược										Không nhận thẻ dự thi
578	578	Nguyễn Thị Bích Thảo		26/6/1989	TT. Ngô Mây - Phú Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Thăng thuộc Trung tâm Y tế huyện Phú Cát	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	98,0		98,0	
579	579	Dương Thị Thu Thi		07/9/1999	Cát Chánh - Phú Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Thăng thuộc Trung tâm Y tế huyện Phú Cát	Cao đẳng ngành Dược										Không nhận thẻ dự thi
580	580	Mai Thị Thọ		21/9/1997	Mỹ Thắng - Phú Mỹ - Bình Định		Trạm Y tế thị trấn Phú Mỹ thuộc Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	88,0		88,0	
581	581	Đặng Thị Lệ Thơm		22/01/1997	Mỹ Châu - Phú Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	61,0		61,0	
582	582	Đặng Thị Lệ Thu		03/8/1994	Ân Tín - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	95,0		95,0	

Handwritten signatures and marks.

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghề nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
583	583	Trần Thị Mĩ Thu		18/7/1984	TT. Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thạnh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	98,0		98,0	
584	584	Trương Thị Thu		10/7/1995	P. Bình Định - TX. An Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế xã Mỹ An thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	51,0		51,0	
585	585	Phan Minh Thư		20/01/2000	Phước An - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Dược										Không nhận thẻ dự thi
586	586	Huỳnh Thị Thủy		01/7/1992	TT. Vĩnh Thạnh - Vĩnh Thạnh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	81,0		81,0	
587	587	Lê Thị Thu Thủy		24/4/1995	Ấn Hào Đông - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Dược										Không nhận thẻ dự thi
588	588	Lê Văn Tinh	25/7/1991		Hoài Phú - TX. Hoài Nhơn - Bình Định	Con của người hưởng chính sách như thương binh	Trạm Y tế xã Ân Tường Tây thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	99,0	5,0	104,0	
589	589	Phan Thị Tinh		01/11/1992	Ấn Tường Tây - Hoài Ân - Bình Định		Trạm Y tế xã Ân Tường Tây thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	99,0		99,0	
590	590	Nguyễn Trần Thanh Tịnh		30/8/1997	Vĩnh Hảo - Vĩnh Thạnh - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	96,0		96,0	
591	591	Huỳnh Thị Thùy Trâm		08/8/1999	P. Nhơn Phú - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	6,5		6,5	
592	592	Nguyễn Thị Thanh Trâm		16/02/1994	P. Nguyễn Văn Cừ - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	48,5		48,5	
593	593	Trương Thị Hòa Trâm		11/8/1992	Mỹ Lộc - Phù Mỹ - Bình Định		Trạm Y tế thị trấn Phù Mỹ thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	76,0		76,0	
594	594	Đào Thị Thu Trang		10/7/2000	Phước Sơn - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	96,0		96,0	
595	595	Huỳnh Ngọc Trang		12/11/1989	Phước Sơn - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	90,0		90,0	
596	596	Nguyễn Thị Thủy Trang		06/11/1994	Bình Tú - Thăng Bình - Quảng Nam	Con thương binh	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	100,0	5,0	105,0	
597	597	Trần Thị Hoài Trang		24/8/1997	Vĩnh Hảo - Vĩnh Thạnh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	100,0		100,0	
598	598	Trần Thị Thiên Trang		25/01/1996	Ấn Đức - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	43,5		43,5	
599	599	Huỳnh Thị Thanh Triều		25/8/1998	Ấn Phong - Hoài Ân - Bình Định	Con thương binh	Trạm Y tế xã Ân Tường Tây thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	88,0	5,0	93,0	
600	600	Luân Thị Trinh		03/10/1999	P. Hoài Thanh Tây - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	96,0		96,0	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghề nghiệp chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
601	601	Nguyễn Thị Hoàng Trúc		14/4/1988	P. Ngô Mỹ - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Dược									Không nhận thẻ dự thi	
602	602	Phan Thị Trường		15/01/2000	An Hòa - An Lão - Bình Định		Trạm Y tế thị trấn Phù Mỹ thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	100,0		100,0	
603	603	Mai Công Trường	10/8/1993		TT. Phù Mỹ - Phù Mỹ - Bình Định	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Trạm Y tế thị trấn Phù Mỹ thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Dược									Không nhận thẻ dự thi	
604	604	Huỳnh Thị Tùng		30/10/1997	Cát Khánh - Phù Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Minh thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	99,0		99,0	
605	605	Trần Văn Tuyên		29/9/1997	Ấn Hào Đông - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Dược									Không nhận thẻ dự thi	
606	606	Trương Thị Hồng Vân		10/10/2000	P. Hoài Thanh - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Dược									Không nhận thẻ dự thi	
607	607	Lê Minh Vương	02/10/1983		Cát Minh - Phù Cát - Bình Định	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Trạm Y tế xã Cát Lâm thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	99,0	2,5	101,5	
608	608	Nguyễn Đăng Khánh Vy		15/10/1983	Mỹ Thọ - Phù Mỹ - Bình Định		Trạm Y tế xã Mỹ An thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	100,0		100,0	
609	609	Trịnh Lê Ái Vy		12/01/1973	P. Lý Thường Kiệt - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	77,5		77,5	
610	610	Đinh Thị Xon		05/8/1996	Vĩnh Sơn - Vĩnh Thạnh - Bình Định	Dân tộc Ba Na	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Cao đẳng ngành Dược									Không nhận thẻ dự thi	
611	611	Trần Thị Thanh Xuân		11/9/1994	TT. Ngô Mỹ - Phù Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Lâm thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	98,0		98,0	
612	612	Huỳnh Thị Hải Yến		17/11/1998	P. Trần Phú - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Dược			Miễn thi			Miễn thi	17,0		17,0	
613	613	Nguyễn Thị Tuấn Công		20/10/1994	Nhơn Mỹ - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng, Phục hồi chức năng, Vật lý trị liệu									Không nhận thẻ dự thi	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - hnyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghịệp vụ chuyên ngành	Điểm ru tiên	Tổng điểm	Ghi chú	
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2							
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả					
614	614	Hoàng Thị Anh Đào		19/01/2000	P. Nguyễn Văn Cừ - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng, Phục hồi chức năng, Vật lý trị liệu				Miễn thi			Miễn thi	89,0		89,0	
615	615	Lê Nguyễn Bảo Hân		04/10/2000	P. Nguyễn Văn Cừ - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng, Phục hồi chức năng, Vật lý trị liệu											Không nhận thẻ dự thi
616	616	Nguyễn Thị Hạnh		30/6/1991	Phường 2 - TP. Tuy Hòa - Phú Yên		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng, Phục hồi chức năng, Vật lý trị liệu											Không nhận thẻ dự thi
617	617	Lương Thị Hiếu		27/02/2000	755 Hùng Vương - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng, Phục hồi chức năng, Vật lý trị liệu				Miễn thi			Miễn thi	2,5		2,5	
618	618	Phú Thị Bích Lý		15/3/2000	P. Hoài Hương - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng, Phục hồi chức năng, Vật lý trị liệu				Miễn thi			Miễn thi	12,0		12,0	
619	619	Trần Thanh Kim Phước		07/5/1997	Cát Trinh - Phú Cát - Bình Định	Con của người hướng chính sách như thương binh	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng, Phục hồi chức năng, Vật lý trị liệu				Miễn thi			Miễn thi	73,5	5,0	78,5	
620	620	Ngô Thị Thanh Giang		05/5/1998	An Hòa - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Cao đẳng ngành Xét nghiệm y học hoặc Cao đẳng ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học											Không nhận thẻ dự thi
621	621	Lê Ngọc Lễ	17/4/1999		Ân Tường Đông - Hoài Ân - Bình Định		Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Cao đẳng ngành Xét nghiệm y học hoặc Cao đẳng ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học				Miễn thi			Miễn thi	99,0		99,0	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
							Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
622	622	Nguyễn Thị Kim Nhân		07/8/1994	Ấn Mỹ - Hoài Ân - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Cao đẳng ngành Xét nghiệm y học hoặc Cao đẳng ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học									Không nhận thẻ dự thi	
623	623	Nguyễn Thị Mỹ Nhân		30/4/2000	An Tân - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Xét nghiệm y học hoặc Cao đẳng ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học			Miễn thi			Miễn thi	85,0		85,0	
624	624	Đặng Văn Sáng	30/10/1992		Bình Tường - Tây Sơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Xét nghiệm y học hoặc Cao đẳng ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học										Không nhận thẻ dự thi
625	625	Nguyễn Thị Xuân Thảo		06/8/1994	P. Hoài Thanh - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Cao đẳng ngành Xét nghiệm y học hoặc Cao đẳng ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học										Không nhận thẻ dự thi
626	626	Trần Thị Ngọc Thảo		15/10/1990	P. Nguyễn Văn Cừ - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Cao đẳng ngành Xét nghiệm y học hoặc Cao đẳng ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học										Không nhận thẻ dự thi
627	627	Phạm Hoàng Thiên	18/9/1998		TT. Phú Phong - Tây Sơn - Bình Định		Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Cao đẳng ngành Xét nghiệm y học hoặc Cao đẳng ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học			Miễn thi			Miễn thi	78,0		78,0	
628	628	Hồ Cao Kim Thoa		20/11/1999	P. Bồng Sơn - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Cao đẳng ngành Xét nghiệm y học hoặc Cao đẳng ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học			Miễn thi			Miễn thi	82,5		82,5	
629	629	Hồ Thị Thủy		18/5/1988	P. Ngô Mây - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Xét nghiệm y học hoặc Cao đẳng ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học										Không nhận thẻ dự thi
630	630	Đỗ Thị Kiều Trang		01/01/2000	P. Nhơn Phú- TP. Quy Nhơn- Bình Định		Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Cao đẳng ngành Xét nghiệm y học hoặc Cao đẳng ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học										Không nhận thẻ dự thi
631	631	Nguyễn Thị Ánh Tuyết		18/02/1999	Ấn Tường Đông - Hoài Ân - Bình Định		Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Cao đẳng ngành Xét nghiệm y học hoặc Cao đẳng ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học			Miễn thi			Miễn thi	97,0		97,0	
632	632	Nguyễn Ngọc Phương Uyên		21/9/1999	P. Ghềnh Ráng - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Xét nghiệm y học hoặc Cao đẳng ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học			Miễn thi			Miễn thi	96,5		96,5	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghệ vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
633	633	Nguyễn Thành Vinh	20/10/1992		P. Trần Quang Diệu - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Cao đẳng ngành Xét nghiệm y học hoặc Cao đẳng ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học			Miễn thi			Miễn thi	98,5		98,5	
634	634	Lê Thị Hồng Diễm		14/02/1998	P. Hoài Hào - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Cao đẳng ngành Kế toán										Không nhận thẻ dự thi
635	635	Trương Thị Thùy Dung		10/9/1986	P. Nhơn Thành - TX. An Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Kế toán			Miễn thi			Miễn thi	98,5		98,5	
636	636	Nguyễn Thị Ánh Duyên		10/11/1985	P. Bồng Sơn - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Cao đẳng ngành Kế toán			Miễn thi			Miễn thi	97,5		97,5	
637	637	Ngô Thị Nhật Hạ		23/6/1993	P. Ngô Mây - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Kế toán										Không nhận thẻ dự thi
638	638	Phan Trần Kim Huệ		02/01/1989	Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Kế toán										Không nhận thẻ dự thi
639	639	Cao Thị Khánh Ly		15/01/1993	TT. Đồng Lê - Tuyên Hóa - Quảng Bình		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Kế toán										Không nhận thẻ dự thi
640	640	Nguyễn Thị Tuyết Nga		12/6/1999	P. Hoài Đức - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Kế toán										Không nhận thẻ dự thi
641	641	Trần Thị Phương		18/9/1990	Mỹ Lộc - Phú Mỹ - Bình Định		Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Cao đẳng ngành Kế toán										Không nhận thẻ dự thi
642	642	Nguyễn Thị Thảo Trang		02/12/1993	Phước Thuận - Tuy Phước - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Kế toán										Không nhận thẻ dự thi
643	643	Nguyễn Thị Thu Trang		03/02/2001	TT. Kbang - Kbang - Gia Lai		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Kế toán										Không nhận thẻ dự thi
644	644	Nguyễn Thị Tường		18/7/1992	P. Hải Cảng - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Kế toán										Không nhận thẻ dự thi
645	645	Phạm Thị Tường Vy		24/7/1999	P. Hoài Xuân - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Cao đẳng ngành Kế toán										Không nhận thẻ dự thi
646	646	Huỳnh Văn Đồng	12/12/1994		Vĩnh Hào - Vĩnh Thạnh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Văn Thư, Văn thư - Lưu trữ			Miễn thi			Miễn thi	98,0		98,0	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghề nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
							Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
			Nam	Nữ														
647	647	Thái Nguyên Hạnh		12/10/1993	TT. Ngô Mây - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Văn Thư, Văn thư - Lưu trữ			Miễn thi			Miễn thi	99,5		99,5	
648	648	Nguyễn Thị Phương		21/9/1981	Bình Thành - Tây Sơn - Bình Định		Trung tâm Pháp y	Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Văn Thư, Văn thư - Lưu trữ										Không nhận thẻ dự thi
649	649	Đặng Thị Kim Thi		12/01/1988	Hoài Châu - TX. Hoài Nhơn - Bình Định	Con của người hưởng chính sách như thương binh	Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn	Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Văn Thư, Văn thư - Lưu trữ			Miễn thi			Miễn thi	99,0	5,0	104,0	
650	650	Phạm Nguyễn Kim Thoa		25/02/1992	P. Ghềnh Ráng - TP. Quy Nhơn - Bình Định	Con thương binh	Trung tâm Pháp y	Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Văn Thư, Văn thư - Lưu trữ										Không nhận thẻ dự thi
651	651	Nguyễn Thị Bích Tuyền		20/8/1984	Vĩnh Hảo - Vĩnh Thạnh - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh	Trung cấp thuộc một trong các ngành hoặc chuyên ngành: Văn Thư, Văn thư - Lưu trữ										Không nhận thẻ dự thi
652	652	Lê Thị Hà Anh		26/9/1992	TT. Ngô Mây - Phù Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Trinh thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	75,0		75,0	
653	653	Đào Trần Bình	16/11/1992		P. Nhơn Thành - TX. An Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế xã Nhơn Hậu thuộc Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	83,0		83,0	
654	654	Lê Lin Ca		26/6/1981	Phước Mỹ - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	61,0		61,0	
655	655	Phan Thị Cẩm		22/10/1994	P. Nhơn Hưng - TX. An Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế xã Nhơn An thuộc Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	83,0		83,0	
656	656	Lê Văn Cù	30/8/1996		P. Nhơn Phú - TP. Quy Nhơn - Bình Định	Người hoán thành nghĩa vụ quân sự	Trung tâm Pháp y	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	64,0	2,5	66,5	
657	657	Nguyễn Văn Đăng	30/4/1994		P. Nhơn Phú - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Pháp y	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
658	658	Đoàn Thị Diễm		29/02/1992	P. Bùi Thị Xuân - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
659	659	Trần Thị Diệp		10/02/1994	Ấn Đức - Hoài Ân - Bình Định		Trạm Y tế thị trấn Tăng Bạt Hồ thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
660	660	Nguyễn Thị Hồng Diệu		07/10/1994	An Hòa - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	41,0		41,0	

Handwritten signatures and marks.

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghề nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
661	661	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		11/10/1995	Tây Xuân - Tây Sơn - Bình Định		Trạm Y tế xã Bình Thuần thuộc Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	53,0		53,0	
662	662	Trần Thị Cẩm Giang		21/12/1992	An Tân - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	72,0		72,0	
663	663	Đặng Thị Thu Hà		20/9/1992	Mỹ An - Phù Mỹ - Bình Định		Trạm Y tế xã Mỹ Thắng thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
664	664	Trần Thị Ngọc Hà		12/12/1993	Nhon Khánh - TX. An Nhon - Bình Định		Trạm Y tế xã Nhơn An thuộc Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
665	665	Lưu Hồng Hải	20/8/1984		An Tân - An Lão - Bình Định		Trạm Y tế xã An Hưng thuộc Trung tâm Y tế huyện An Lão	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
666	666	Lê Hồng Hạnh		21/11/1995	Mỹ Hiệp - Phù Mỹ - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Hạnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	88,0		88,0	
667	667	Phan Thị Mỹ Hạnh		13/02/1989	Phước Sơn - Tuy Phước - Bình Định		Trạm Y tế xã Phước Sơn thuộc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
668	668	Phan Xuân Hậu	25/4/1999		Cát Minh - Phù Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Hạnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	79,0		79,0	
669	669	Võ Thị Thái Hiền		26/8/1984	Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định		Trạm Y tế xã Phước Hiệp thuộc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Y sĩ đa khoa										Bỏ thi
670	670	Nguyễn Trọng Hiếu	20/5/1995		Phước An - Tuy Phước - Bình Định		Trạm Y tế xã Phước Hiệp thuộc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	97,0		97,0	
671	671	Nguyễn Thị Ánh Hồng		16/12/1993	Bình Thành - Tây Sơn - Bình Định		Trạm Y tế xã Tây Phú thuộc Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	76,0		76,0	
672	672	Văn Thị Hoài Hương		12/10/1994	P. Ngõ Mây - TP. Quy Nhon - Bình Định		Trạm y tế phường Lê Lợi thuộc Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
673	673	Đỗ Thị Mộng Huyền		12/12/1993	TT. Cát Tiến - Phù Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Chánh thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
674	674	Phan Nữ Minh Huyền		16/6/1999	Phước Thắng - Tuy Phước - Bình Định		Trạm Y tế xã Nhơn An thuộc Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	62,0		62,0	
675	675	Đinh Thị Khương		10/11/1992	Cát Hiệp - Phù Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Thắng thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Y sĩ đa khoa										Bỏ thi

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghệ thuật chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
							Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
676	676	Phạm Thị Khương		20/9/1994	Cát Hanh - Phù Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Hanh thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Y sĩ đa khoa									Không nhận thẻ dự thi	
677	677	Lâm Thị Thủy Kiều		02/9/1995	Cát Tài - Phù Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Hanh thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	56,0		56,0	
678	678	Nguyễn Thị Vi Kiều		10/12/1992	Ấn Đức - Hoài Ân - Bình Định		Trạm Y tế xã Ấn Đức thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	62,0		62,0	
679	679	Trương Thị Lành		04/02/1993	An Nghĩa - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	94,0		94,0	
680	680	Nguyễn Thị Lê		04/7/1990	Ấn Đức - Hoài Ân - Bình Định		Trạm Y tế xã Ấn Đức thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	71,0		71,0	
681	681	Đỗ Thị Mỹ Linh		05/10/1998	Mỹ Cát - Phù Mỹ - Bình Định		Trạm Y tế phường Trần Hung Đạo thuộc Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	98,5		98,5	
682	682	Nguyễn Đại Luân	20/11/1994		Cát Hanh - Phù Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Phước Hiệp thuộc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	91,0		91,0	
683	683	Nguyễn Thị Ly		21/11/1995	Ấn Hữu - Hoài Ân - Bình Định		Trạm Y tế thị trấn Tăng Bạt Hồ thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
684	684	Nguyễn Thị Diễm My		22/12/1993	P. Hoài Đức - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế xã Ấn Đức thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
685	685	Huỳnh Hoài Nam	09/10/1988		P. Ngô Mây - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế phường Lê Lợi thuộc Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	97,0		97,0	
686	686	Lê Thị Bích Nga		09/01/1990	Nhơn Khánh - TX. An Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế xã Nhơn Khánh thuộc Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
687	687	Lê Thị Ngọc Nga		15/8/1996	P. Hải Cảng - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế phường Trần Hung Đạo thuộc Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	99,0		99,0	
688	688	Lý Tiểu Ngân		24/11/1994	Nhơn Châu - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế phường Lê Lợi thuộc Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
689	689	Đoàn Thị Thương Nghiệp		05/6/1993	Hoài Sơn - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế thị trấn Tăng Bạt Hồ thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghịệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
690	690	Nguyễn Thị Nguyệt		07/9/1991	P. Nhơn Phú - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế phường Trần Hưng Đạo thuộc Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	99,5		99,5	
691	691	Lê Thị Hồng Nhạn		20/6/1988	Bình Hòa - Tây Sơn - Bình Định		Trạm Y tế xã Tây Phú thuộc Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	97,5		97,5	
692	692	Nguyễn Thị Nhạn		08/01/1991	Cát Hạng - Phù Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Hạng thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
693	693	Hồ Thị Thảo Nhi		10/12/1995	Nhơn An - TX. An Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế xã Nhơn Hậu thuộc Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
694	694	Lâm Thị Yến Nhi		27/8/1998	Ân Thạnh - Hoài Ân - Bình Định		Trạm Y tế thị trấn Tăng Bạt Hổ thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
695	695	Nguyễn Thị Yến Nhi		25/10/1995	Ân Thạnh - Hoài Ân - Bình Định		Trạm Y tế thị trấn Tăng Bạt Hổ thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	99,0		99,0	
696	696	Trương Trọng Ninh	12/8/1995		Cát Minh - Phù Cát - Bình Định		Trung tâm Pháp y	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
697	697	Nguyễn Thị Mỹ Oanh		06/02/1996	Nhơn Hội - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế xã Phước Hiệp thuộc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
698	698	Nguyễn Thị Thanh Phú		04/02/1983	Ân Phong - Hoài Ân - Bình Định		Trạm Y tế thị trấn Tăng Bạt Hổ thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
699	699	Nguyễn Thị Bích Phương		10/01/1992	Bình Thành - Tây Sơn - Bình Định		Trạm Y tế xã Tây Phú thuộc Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	82,5		82,5	
700	700	Văn Thị Tô Phương		15/10/1995	P. Nhơn Phú - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế phường Trần Hưng Đạo thuộc Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	89,5		89,5	
701	701	Phan Trần Quý	09/10/1991		TT. An Lão - An Lão - Bình Định		Trạm Y tế xã An Hưng thuộc Trung tâm Y tế huyện An Lão	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	78,5		78,5	
702	702	Phan Thị Quyền		24/7/1985	Phước Hiệp - Tuy Phước - Bình Định		Trạm Y tế xã Phước Sơn thuộc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	99,0		99,0	
703	703	Nguyễn Huy Sâm	30/6/1992		Tây Phú - Tây Sơn - Bình Định		Trạm Y tế xã Tây Phú thuộc Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	93,5		93,5	

Handwritten signatures and marks.

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghệ vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
							Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
704	704	Nguyễn Văn Sĩ	05/3/1997		Bình Tường - Tây Sơn - Bình Định		Trạm Y tế xã Phước Sơn thuộc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	92,0		92,0	
705	705	Cao Thị Thắm		30/01/1993	Phước Hưng - Tuy Phước - Bình Định		Trạm Y tế xã Nhơn Hậu thuộc Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	95,0		95,0	
706	706	Lê Thị Diễm Thanh		05/01/1993	Cát Hanh - Phù Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Hanh thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	98,5		98,5	
707	707	Lê Thị Phương Thảo		02/4/1994	Nhơn Lộc - TX. An Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế phường Nhơn Hưng thuộc Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	92,0		92,0	
708	708	Trương Thị Thanh Thảo		20/7/1991	Phước Sơn - Tuy Phước - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Chánh thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
709	709	Nguyễn Thị Diễm Thoa		01/4/1992	Mỹ Châu - Phù Mỹ - Bình Định		Trạm Y tế phường Nhơn Hưng thuộc Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
710	710	Lưu Thanh Thuận	02/10/1997		Nhơn Thọ - TX. An Nhơn - Bình Định	Học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị	Trạm Y tế xã Nhơn Khánh thuộc Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	89,5	5,0	94,5	
711	711	Bùi Thị Hoài Thương		10/01/1993	Cát Hiệp - Phù Cát - Bình Định		Trạm y tế xã Bình Thuận thuộc Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	92,0		92,0	
712	712	Trần Thị Thu Thúy		10/8/1995	Cát Trinh - Phù Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Trinh thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	93,0		93,0	
713	713	Nguyễn Thị Tinh		13/9/1992	Cát Minh - Phù Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Hanh thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	98,5		98,5	
714	714	Trần Văn Tinh	08/11/1991		P. Lê Lợi - TP. Quy Nhơn - Bình Định	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Trạm Y tế phường Lê Lợi thuộc Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	48,0	2,5	48,0	Điểm thi dưới 50 điểm không cộng điểm ưu tiên
715	715	Hoàng Thục Trinh		03/10/1997	90/11 Trần Hưng Đạo - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế phường Trần Hưng Đạo thuộc Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghề vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
716	716	Lê Thị Hương Trinh		05/10/1995	Mỹ Trinh - Phù Mỹ - Bình Định		Trạm Y tế xã Mỹ Thắng thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	97,0		97,0	
717	717	Nguyễn Thị Tuyết Trinh		20/4/1992	An Hòa - An Lão - Bình Định		Trạm Y tế xã An Hưng thuộc Trung tâm Y tế huyện An Lão	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	100,0		100,0	
718	718	Phan Huỳnh Tú Trinh		10/01/1994	Nhơn Phong - TX. An Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế xã Nhơn Hạnh thuộc Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	96,5		96,5	
719	719	Trần Thị Cẩm Trinh		19/4/1992	TT. Tăng Bạt Hổ - Hoài Ân - Bình Định		Trạm Y tế thị trấn Tăng Bạt Hổ thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	98,0		98,0	
720	720	Võ Thị Thu Truyền		12/02/1995	Bình Hòa - Tây Sơn - Bình Định		Trạm Y tế xã Bình Thuận thuộc Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	99,0		99,0	
721	721	Lê Anh Tuấn	03/10/1991		Mỹ Tài - Phù Mỹ - Bình Định	Người hoàn thành nghĩa vụ tham gia công an nhân dân	Trạm Y tế xã Cát Chánh thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	90,0	2,5	92,5	
722	722	Huỳnh Văn Tuy	02/01/1994		Mỹ Phong - Phù Mỹ - Bình Định		Trạm Y tế xã Cát Hạnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
723	723	Võ Hùng Tuyển	08/8/1986		Ba Thành - Ba Tơ - Quảng Ngãi		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	91,5		91,5	
724	724	Nguyễn Thị Kim Tuyển		11/5/1991	Hoài Châu - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	76,0		76,0	
725	725	Nguyễn Thị Bích Vân		02/12/1991	P. Trần Hưng Đạo - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế phường Lê Lợi thuộc Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
726	726	Phan Thị Bích Vân		20/12/1990	TT. Phù Mỹ - Phù Mỹ - Bình Định	Con của người hướng chính sách như thương binh	Trạm Y tế xã Cát Hạnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Cát	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	93,0	5,0	98,0	
727	727	Phạm Công Văn	12/10/1994		Hoài Châu - TX. Hoài Nhơn - Bình Định	Con bệnh binh	Trạm Y tế thị trấn Tăng Bạt Hổ thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	93,0	5,0	98,0	
728	728	Trịnh Anh Văn	20/3/1988		Ân Thanh - Hoài Ân - Bình Định		Trạm Y tế thị trấn Tăng Bạt Hổ thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi
729	729	Lê Thị Vàng		12/4/1991	Hoài Châu Bắc - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế xã Nhơn An thuộc Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	98,0		98,0	
730	730	Huỳnh Thị Thảo Vinh		02/11/1994	Phước Hiệp - Tuy Phước - Bình Định		Trạm Y tế xã Phước Hiệp thuộc Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Y sĩ đa khoa										Không nhận thẻ dự thi

(Handwritten signatures and marks)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghề nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
							Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
			Nam	Nữ														
731	731	Phạm Hoàng Vũ	10/8/1996		Nhon Tân - TX. An Nhơn - Bình Định	Người hoàn thành nghĩa vụ tham gia công an nhân dân	Trạm Y tế xã Nhơn Khánh thuộc Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Y sĩ đa khoa									Không nhận thẻ dự thi	
732	732	Phạm Thị Thúy Vy		08/3/1996	An Hòa - An Lão - Bình Định		Trạm Y tế xã Ân Đức thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	82,0		82,0	
733	733	Đinh Thị Xuân		14/11/1993	Vĩnh Thuận - Vĩnh Thạnh - Bình Định	Dân tộc Ba Na	Trạm Y tế xã Bình Thuận thuộc Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn	Y sĩ đa khoa			Miễn thi			Miễn thi	77,0	5,0	82,0	
734	734	Võ Thị Kim Ánh		10/3/1984	P. Bùi Thị Xuân - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Y sĩ Y học cổ truyền									Không nhận thẻ dự thi	
735	735	Từ Võ Ban	16/4/1997		TT. Ngô Mây - Phù Cát - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Y sĩ Y học cổ truyền									Không nhận thẻ dự thi	
736	736	Nguyễn Trọng Hiếu	17/8/1993		An Hòa - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Y sĩ Y học cổ truyền			Miễn thi			Miễn thi	86,0		86,0	
737	737	Trần Bảo Lộc	21/9/1993		Ân Thạnh - Hoài Ân - Bình Định		Trạm Y tế xã Ân Thạnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Y sĩ Y học cổ truyền			Miễn thi			Miễn thi	92,5		92,5	
738	738	Nguyễn Trần Vũ Luân	05/02/2001		Mỹ Thắng - Phù Mỹ - Bình Định	Con bệnh binh	Trạm Y tế xã Mỹ Chánh thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Y sĩ Y học cổ truyền			Miễn thi			Miễn thi	62,5	5,0	67,5	
739	739	Phan Thị Hằng Nga		27/6/1994	An Trung - An Lão - Bình Định		Trung tâm Y tế huyện An Lão	Y sĩ Y học cổ truyền			Miễn thi			Miễn thi	89,0		89,0	
740	740	Ngô Trần Quốc Pháp	10/7/1992		P. Lê Lợi - TP. Quy Nhơn - Bình Định	Người hoàn thành nghĩa vụ tham gia công an nhân dân	Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Y sĩ Y học cổ truyền			Miễn thi			Miễn thi	42,5	2,5	42,5	
741	741	Võ Thị Phin		07/12/1997	Cát Sơn - Phù Cát - Bình Định		Trạm Y tế xã Mỹ Hiệp thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ	Y sĩ Y học cổ truyền									Không nhận thẻ dự thi	
742	742	Nguyễn Thị Phú		17/01/1985	P. Nhơn Phú - TP. Quy Nhơn - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Y sĩ Y học cổ truyền			Miễn thi			Miễn thi	81,0		81,0	
743	743	Nguyễn Thị Tuyết Sương		04/01/1990	P. Bồng Sơn - TX. Hoài Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế xã Ân Thạnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	Y sĩ Y học cổ truyền									Không nhận thẻ dự thi	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Hộ khẩu thường trú (xã - huyện - tỉnh)	Đối tượng ưu tiên	Đăng ký dự tuyển		Đánh giá kỹ năng						Điểm thi Nghệ vụ chuyên ngành	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
			Nam	Nữ			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Tin học - CNTT cơ bản			Ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2						
									Số câu trả lời đúng	%	Kết quả	Số câu trả lời đúng	%	Kết quả				
744	744	Nguyễn Thị Thúc		01/01/1993	Mỹ Cát - Phú Mỹ - Bình Định		Trạm Y tế xã Mỹ Hiệp thuộc Trung tâm Y tế huyện Phú Mỹ	Y sĩ Y học cổ truyền			Miễn thi			Miễn thi	86,5		86,5	
745	745	Lê Văn Thương	02/02/1988		Ân Hảo Đông - Hoài Ân - Bình Định	Con của người hưởng chính sách như thương binh	Trung tâm Y tế huyện An Lão	Y sĩ Y học cổ truyền										Không nhận thẻ dự thi
746	746	Đỗ Thị Bích Thủy		25/02/1996	P. Đập Đá - TX. An Nhơn - Bình Định		Trạm Y tế phường Đập Đá thuộc Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn	Y sĩ Y học cổ truyền			Miễn thi			Miễn thi	93,0		93,0	
747	747	Phan Hồng Ty		28/12/1999	Ấn Nghĩa - Hoài Ân - Bình Định		Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	Y sĩ Y học cổ truyền			Miễn thi			Miễn thi	92,5		92,5	

Danh sách này có: 747 thí sinh./.

Handwritten signatures and marks.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÚC KHẢO

**Kết quả thi vòng 2 kỳ tuyển dụng
viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2022**

Kính gửi: Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2022

Tôi tên: Nam, Nữ:

Ngày sinh:

Hộ khẩu thường trú:

Số điện thoại liên hệ:

Trình độ chuyên môn:

Đơn vị đăng ký dự tuyển:

Vị trí dự tuyển:

Số báo danh:

Kết quả thi vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2022 của tôi như sau:

* Môn thi nghiệp vụ chuyên ngành:

* Môn đánh giá kỹ năng tin học và ngoại ngữ:

- Môn đánh giá kỹ năng Tin học - Công nghệ thông tin cơ bản:

- Môn đánh giá kỹ năng ngoại ngữ - Tiếng Anh Bậc 2:

Căn cứ kết quả thi vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2022, tôi có nguyện vọng và đề nghị Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Y tế tỉnh Bình Định năm 2022 xem xét chấm phúc khảo bài thi của tôi như sau:

- Môn thi:

- Môn đánh giá kỹ năng:,

Tôi xin chịu trách nhiệm về nội dung đề nghị nêu trên và xin chân thành cảm ơn./.

Người viết đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)